

Tiết 28

**BÀI 13. GIAO LƯU VĂN HOÁ Ở ĐÔNG NAM Á
TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X (Tiết 1)**

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu văn hoá ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.

- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Tự hào về những thành tựu văn hoá - văn minh của các nước Đông Nam Á.

- Hình thành ý thức trân trọng, giữ gìn các di sản và những giá trị văn hoá truyền thống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.

- Các kênh hình (phóng to).

- Những tư liệu bổ sung về các thành tựu văn hoá chủ yếu của Đông Nam Á.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV cho HS xem video về Lễ hội “Té nước Song – kran (Thái Lan) và hỏi HS:
? Quan sát đoạn video và cho biết đoạn video đang nói đến lễ hội nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Vào những thế kỉ đầu công nguyên, thuyền bè của nhiều nước đã qua lại trên vùng biển Đông Nam Á để buôn bán và trao đổi sản vật. Con đường giao thương trên biển dần hình thành. Từ giao lưu thương mại dẫn đến giao lưu văn hóa. Quá trình giao lưu này đã để lại những dấu ấn quan trọng trong sự phát triển của Đông Nam Á mười thế kỉ đầu công nguyên.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Tín ngưỡng, tôn giáo

a. Mục tiêu: HS kể được tên một số tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam cũng như khu vực Đông Nam Á

b. Nội dung: HS kể một số tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Mô tả đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của cư dân Đông Nam Á dưới ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc, Ấn Độ.

c. Sản phẩm:

- Kể tên được một số tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam và các quốc gia trong khu vực.

- Tín ngưỡng ở Đông Nam Á đã kết hợp với những tôn giáo bên ngoài như Ấn Độ giáo và Phật giáo tạo nên đời sống tín ngưỡng phong phú đa dạng.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Em hãy kể một số tín ngưỡng dân gian ở nước ta mà em biết?

? Nhìn vào các hình trên và cho biết những tên tôn giáo nào đã ảnh hưởng tới khu vực Đông Nam Á



B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

- GV giới thiệu về một số tín ngưỡng chủ yếu như tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ Thần - Vua, tục cầu mưa ở các nước thuộc khu vực Đông Nam Á. GV có thể liên hệ với hình ảnh con cóc trên mặt trống đồng Đông Sơn, biểu tượng của tục cầu mưa của cư dân làm nông nghiệp Văn Lang - Âu Lạc.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Tín ngưỡng, tôn giáo

- Đông Nam Á có nhiều tín ngưỡng dân gian, hầu hết có liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp.
- Các tín ngưỡng bản địa ở Đông Nam Á đã kết hợp, dung hoà với những tôn giáo bên ngoài như Ấn Độ giáo, Phật giáo, tạo nên đời sống tín ngưỡng đa dạng, phong phú.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Vòng quay may mắn”.

Câu 1: Các tín ngưỡng bản địa Đông Nam Á đã dung hợp với tôn giáo nào từ Ấn Độ và Trung Quốc?

- A. Ấn Độ giáo và phật giáo.
- B. Phật Giáo và Thiên Chúa giáo.
- C. Ấn Độ Giáo và Thiên Chúa giáo.
- D. Ấn Độ Giáo và Hồi giáo.

Câu 2: Nguyên nhân dẫn đến giao lưu văn hoá ở Đông Nam Á với Ấn Độ là?

- A. Do sự giao thương buôn bán
- B. Nội chiến
- C. Do chiến tranh
- D. Ngoại giao

Câu 3: Thánh địa Mỹ Sơn là ở nước nào?

- A. Thái Lan

B. Lào.

C. Việt Nam

D. Cam-pu-chia.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3
Đáp án	A	A	C

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Em hãy cho biết văn hoá Ấn Độ và Trung Quốc ảnh hưởng như thế nào đối với khu vực Đông Nam Á trong những thế kỉ đầu công nguyên?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 29

**BÀI 13. GIAO LƯU VĂN HOÁ Ở ĐÔNG NAM Á
TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X (Tiết 2)**

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu văn hoá ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.

- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Tự hào về những thành tựu văn hoá - văn minh của các nước Đông Nam Á.

- Hình thành ý thức trân trọng, giữ gìn các di sản và những giá trị văn hoá truyền thống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.

- Các kênh hình (phóng to).

- Những tư liệu bổ sung về các thành tựu văn hoá chủ yếu của Đông Nam Á.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát video, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức: Khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV cho HS xem đoạn video về Khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn và yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Xem đoạn video sau và cho biết đoạn video này đang nói đến địa danh nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Chữ viết và văn học

a. Mục tiêu: HS kể được tên những chữ viết cổ của cư dân Đông Nam Á và tên một số tác phẩm văn học tiêu biểu của các nước Đông Nam Á

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nhiệm vụ 1: Hoàn thành phiếu học tập

GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK và hoàn thành phiếu học tập: Hãy kể tên và liệt kê các chữ cổ của cư dân Đông Nam Á



Nhiệm vụ 2: Làm bài tập

Nối cột

A	B
1. Chữ của Người Việt	a. Tấm bia đầu tiên bằng chữ phạn và chữ Khơ-me cổ.
2. Sử thi Ra-ma-y-a-na của người Ấn Độ Cổ đại	b. Kế thừa chữ Hán của người Trung Quốc
3. Bia Ăng-co-Bo rây (Cam puchia)	c. Có ảnh hưởng hầu hết nền văn học các nước Đông Nam Á
4. Chữ viết nhóm cư dân ĐNA	d. Dựa trên hệ thống chữ cổ của người Ấn Độ

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Chữ viết và văn học

a. Chữ viết

- Nhiều nhóm cư dân Đông Nam Á tạo ra chữ viết riêng dựa trên hệ thống chữ cổ của người Ấn Độ. Riêng người Việt thì tiếp thu chữ Hán của người Trung Quốc.

b. Văn học

- Văn học các quốc gia Đông Nam Á cũng tiếp thu văn học Ấn Độ, tiêu biểu bộ sử thi Ma-ha-bra-ta, Ra-ma-y-a-na để sáng tạo bộ sử thi của dân tộc mình.

3. Kiến trúc và điêu khắc

a. Mục tiêu: HS thấy được ảnh hưởng của Ấn Độ giáo đến các công trình kiến trúc, điêu khắc của các nước Đông Nam Á.

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV chia HS thành 2 nhóm thực hiện nhiệm vụ

+ Nhóm 1: Tìm hiểu về kiến trúc của Đông Nam Á (ảnh hưởng từ đâu và có những loại kiến trúc nào)

+ Nhóm 2: Tìm hiểu về điêu khắc của Đông Nam Á (ảnh hưởng từ đâu và có những loại điêu khắc nào)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. Kiến trúc và điêu khắc

a. Kiến trúc

- Nghệ thuật và kiến trúc điêu khắc Đông Nam Á đều chịu ảnh hưởng đậm nét của các tôn giáo như Ấn Độ giáo và Phật giáo.
- Kiểu kiến trúc Ấn Độ giáo tiêu biểu ở Đông Nam Á là kiến trúc đền - núi

b. Điêu khắc

- Nghệ thuật điêu khắc ở Đông Nam Á chủ yếu là Phù điêu, các bức chạm nổi, tượng thần, phật...

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Vòng quay may mắn”.

Câu 1: Chữ viết của người Chăm có nguồn gốc từ văn tự nào?

- A. Chữ hình nêm.
- B. Chữ Phạm
- C. Chữ tượng hình.
- D. Chữ La tinh

Câu 2: Tác phẩm văn học nào của Ấn Độ cổ đại có ảnh hưởng rộng khắp ở các nước Đông Nam Á

- A. Ra-ma-y-a-na
- B. Kinh Phật.
- C. Sơ-cun-tơ-ra
- D. Vê - đa

Câu 3: Đền Bô- rô-bu-đua ngày nay thuộc quốc gia nào?

- A. Việt Nam
- B. Thái Lan
- C. In đô nê xi a
- D. Cam-pu-chia

Câu 4: Thời kì này người Việt thì thừa kế hệ thống chữ gì?

- A. Chữ hình nêm.
- B. Chữ Hán
- C. Chữ tượng hình.
- D. Chữ La tinh

Câu 5: Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á chịu ảnh hưởng đậm nét của tôn giáo nào?

- A. Ấn độ giáo, Thiên chúa giáo
- B. Phật giáo, Thiên chúa giáo
- C. Thiên chúa giáo, Ấn độ giáo.
- D. Ấn độ giáo, Phật giáo

Câu 6: Ý nào dưới đây không phải nhận định đúng về văn hoá Đông Nam Á?

- A. Các tín ngưỡng bản địa đã dung hợp với tôn giáo từ bên ngoài du nhập vào khu vực như Ấn Độ Giáo , Phật giáo.
- B. Các cư dân Đông Nam Á không có chữ viết riêng mà sử dụng chữ viết của người Ấn Độ và Trung Quốc
- C. Văn học Ấn Độ ảnh hưởng rất mạnh đến văn học của các nước Đông Nam Á
- D. Kiến trúc đền núi là kiểu kiến trúc Ấn Độ giáo tiêu biểu ở Đông Nam Á

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	A	C	B	D	B

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Tìm hiểu biểu tượng trên lá cờ của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ngày nay.



B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

GV gợi ý HS theo nội dung sau:

- + Lá cờ ASEAN tượng trưng cho sự hoà bình, bền vững, đoàn kết và năng động của ASEAN.
- + Biểu tượng bó lúa ở trung tâm: tượng trưng cho ngành kinh tế chủ đạo của các nước Đông Nam Á là nông nghiệp trồng lúa nước (được kế thừa và phát triển trải qua hàng nghìn năm lịch sử).

- + Các thân cây lúa là biểu tượng cho các quốc gia ASEAN (Ban đầu là 5 quốc gia sáng lập và Bru-nây (tham gia năm 1984). Đến năm 1995, đã bổ sung thêm bốn thân cây lúa thể hiện tầm nhìn của ASEAN bao gồm cả 10 quốc gia trong khu vực (Đông Ti-mo mới tách ra từ In-đô-nê-xi-a vào năm 2002).
- + Vòng tròn tượng trưng cho sự thống nhất của 10 quốc gia Đông Nam Á.
- + Bốn màu của lá cờ: xanh, đỏ, trắng, vàng. Màu xanh tượng trưng cho hoà bình và sự ổn định. Màu đỏ thể hiện động lực và can đảm. Màu trắng nói lên sự thuần khiết. Màu vàng tượng trưng cho sự thịnh vượng. Đây cũng là bốn màu chủ đạo trên quốc là của 10 nước thành viên ASEAN.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

CHƯƠNG 5. VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X

GIỚI THIỆU CHƯƠNG 5:

GV có thể hướng dẫn HS đọc nhanh đoạn kênh chữ, quan sát kênh hình và trực thời gian. Trên cơ sở định hướng của GV, các em có thể ghi nhanh ra giấy nháp/giấy nhớ những câu hỏi/vấn đề mà các em muốn được khám phá hay giải đáp khi tìm hiểu về chương này. Gv nêu mục tiêu, nội dung chương.

GV giới thiệu một số hình ảnh đầu chương:

- *Hình trống đồng Đông Sơn:*

Trống đồng Đông Sơn, có nguồn gốc từ Việt Nam, là loại trống tiêu biểu cho văn hoá Đông Sơn (700 TCN - 100) và nền văn minh sông Hồng của người Việt cổ thời kì dựng nước Văn Lang. Hai biểu tượng nổi bật nhất trên trống đồng Đông Sơn là hình mặt trời ở trung tâm mặt trống và hình đàn chim mỏ dài bay quanh. Trống đồng đã trở thành biểu tượng thiêng liêng của văn hoá dân tộc Việt Nam.

- *Hình tháp Chăm (Cụm tháp Hoà Lai) ở Ninh Thuận:*

Nằm về hướng Bắc thành phố Phan Rang - Tháp Chàm khoảng 15km thuộc địa phận xã Bắc Phong, huyện Thuận Bắc, tháp Hoà Lai là một công trình kiến trúc độc đáo và tương đối nguyên vẹn trên dải đất miền Trung.

Tháp Hoà Lai là công trình được xây dựng theo phong cách Hoà Lai của thế kỉ IX, nổi bật với vòm cửa nhiều mũi tròn, các trụ đỡ tường hình bát giác cùng lối trang trí hình lá uốn cong.

Nguyên khởi, tháp là một tổng thể kiến trúc gồm Tháp Bắc, Tháp Giữa và Tháp Nam. Hiện diện bên cạnh các công trình tháp còn là tường thành bao quanh và một lò gạch. Tuy nhiên vào cuối thế kỉ XIX, người Pháp và quan chức địa phương đã cho phá phần trên của tháp trung tâm để phục vụ quá trình nghiên cứu nên hiện nay chỉ còn lại phần nền.

Với những giá trị về kiến trúc và điêu khắc, năm 1997, Bộ Văn hoá - Thông tin đã cấp bằng công nhận cụm tháp Hoà Lai là Di tích lịch sử quốc gia.

Tiết 30

CHỦ ĐỀ: THỜI ĐẠI DỰNG NƯỚC VĂN LANG – ÂU LẠC

Tiết 1: SỰ RA ĐỜI CỦA NHÀ NƯỚC VĂN LANG – ÂU LẠC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang trên lược đồ.
- Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang Âu Lạc

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng được một số thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Phẩm chất

- Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên, trân trọng và giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống cội nguồn có từ thời dựng nước.

II-THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, Sách Bài tập Lịch sử 6.
- Lược đồ lãnh thổ Việt nam ngày nay
- Tranh ảnh, video liên quan đến bài học.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK, tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học,

tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- HS xem 1 đoạn video *trên máy: Truyền thuyết Con rồng cháu Tiên*
- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:
+ *Nội dung của đoạn phim nhắc đến truyền thuyết nào?*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Chúng ta có bao giờ thắc mắc về những sự vô lí trong truyền thuyết con Rồng cháu Tiên (Lạc Long Quân là con của Kinh Dương Vương và thần Long Nữ, là người thân, giống Rồng, đi lạc dưới nước, Âu Cơ là giống Tiên. Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng, nở ra 100 người con). Nếu vô lí thì vì sao đến ngày nay, người Việt vẫn coi nhau là “đồng bào” và tự coi mình là “Con Rồng cháu Tiên” (Vi truyền thuyết này có ảnh hưởng lớn đến đời sống văn hóa tinh thần của người Việt Nam và luôn tự hào về nòi giống dân tộc mình)

GV bổ sung: Để tìm hiểu quá trình dựng nước và giữ nước của cha ông ta và hiểu thêm vì sao nhân dân ta luôn tự hào về dân tộc mình thì chúng ta cùng tìm hiểu vào bài học hôm nay **Bài 14: Nhà nước Văn Lang Âu Lạc (Tiết 1)**

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Nhà nước đầu tiên của người Việt cổ.

a) **Mục tiêu:** Giúp HS trình bày được sự ra đời và tổ chức nhà nước của Văn Lang.

b) **Nội dung:**

- GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận và KT đặt câu hỏi để hỏi.
- Hs làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày sản phẩm.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

* **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu sự ra đời nhà nước đầu tiên của người Việt cổ**

- HS đọc mục 1 (SGK- 61) làm việc theo cặp đôi, thảo luận và trả lời câu hỏi vào Phiếu học tập số 1

Thời gian: 2 phút:	PHIẾU HỌC TẬP:
1. Dựa vào tư liệu trong sách giáo khoa và đoạn clip hãy hoàn thành bảng sau:	
NỘI DUNG	NƯỚC VĂN LANG
Nguyên nhân ra đời	
Thời gian	
Địa điểm	
Người đứng đầu	
Kinh đô	
2. Ý nghĩa của sự ra đời nhà nước Văn Lang?	

* **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu Tổ chức nhà nước Văn Lang?**

- HS đọc dữ liệu trong sách giáo khoa, quan sát sơ đồ Hình 2 - Sơ đồ tổ chức Nhà nước Văn Lang SGK tr.61 và sau đó lên bảng hoàn thành sơ đồ bộ máy nhà nước Văn Lang.

? Em nhận xét gì về tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang ?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ cá nhân và thảo luận nhóm.

GV hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần).

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.
- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.
- Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang phần Luyện tập.

1. Nhà nước đầu tiên của người Việt cổ.

a. Sự ra đời

- Vào khoảng thế kỉ VII TCN, do nhu cầu trị thủy và chống giặc ngoại xâm đã thúc đẩy sự ra đời nhà nước Văn Lang.
- Đứng đầu nhà nước là Hùng Vương (Vua Hùng) đóng đô ở Phong Châu (Phú Thọ ngày nay)

b. Tổ chức bộ máy nhà nước

- + Ở Trung ương: Đứng đầu là Hùng Vương, giúp việc cho Hùng Vương là lạc hầu.
- + Ở địa phương: Lạc tướng đứng đầu các bộ (có 15 bộ); bề chính đứng đầu chiềng, chạ.

GV bổ sung: ***Tìm hiểu sự ra đời nhà nước đầu tiên của người Việt cổ***

Do sự phát triển của công cụ đồng và sắt nên đời sống sản xuất có sự chuyển biến, cùng với nhu cầu làm thủy lợi (thể hiện qua truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh) và chống ngoại xâm (thể hiện qua truyền thuyết Thánh Gióng) đã thúc đẩy sự ra đời của Nhà nước đầu tiên – Nhà nước Văn Lang.

GV bổ sung: ***Tổ chức bộ máy nhà nước của người Việt cổ***: GV phân tích sơ đồ hình 2 cho HS :

+ Đứng đầu nhà nước Văn Lang là Hùng Vương, thực chất là thủ lĩnh của một liên minh bộ lạc (nhà nước sơ khai). Giúp việc cho vua có các lạc hầu. Ở địa phương đứng đầu mỗi bộ (tương truyền nước Văn Lang có 15 bộ) là lạc tướng; các kẻ/chiềng /chạ chính là các đơn vị làng xã sau này do bề chính (già làng đứng đầu)

+ Cách đây 2700 năm, Nhà nước Văn Lang ra đời – mốc đánh dấu lịch sử dựng nước của người Việt phù hợp với những bằng chứng khảo cổ học (Văn hóa Đông Sơn), những mốc thời gian khác như “cách đây 100 năm” hoặc “ nước ta có lịch sử 4000 năm dựng nước” là không hợp lí.

+ Nhà nước Văn Lang ra đời đã mở ra thời kì dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc. Sự kiện này là dấu mốc kết thúc thời kì nguyên thủy trên đất nước Việt Nam, tạo cơ sở tiền đề cho sự hình thành và phát triển nền văn minh của thời kì dựng nước trong lịch sử Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS: *Tham gia trò chơi Ai là triệu phú*

Câu 1. Nhà nước đầu tiên của nước ta ra đời vào thế kỉ bao nhiêu ?

A. IV TCN

B. V TCN

C. VI TCN

D. VII TCN

Câu 2. Nước Âu Lạc ra đời vào khoảng năm bao nhiêu ?

A. 218 TCN

B. 216 TCN

C. 210 TCN

D. 208 TCN

Câu 3. Khoảng 2000 năm, những nhóm cư dân Việt cổ đã di cư từ vùng núi xuống đâu?

A. Trung du

B. Biển

C. Cao nguyên

D. Đồng bằng châu thổ

Câu 4. Ai là người lãnh đạo người Âu Việt và Lạc Việt đánh bại quân Tần ?

A. Thục Phán

B. Vua Hùng

C. Hai Bà Trưng

D. Bà Triệu

Câu 5. Thế kỷ VII TCN, thủ lĩnh bộ lạc nào đã thu phục các bộ lạc khác lập ra nhà nước Văn Lang?

A. Việt Thường

B. Văn Lang

C. Chu Diên

D. Giao Chỉ

Câu 6: Lãnh thổ của nước Âu Lạc thuộc khu vực nào hiện nay?

A. Bắc Bộ và Nam Trung Bộ

B. Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ

C. Nam Bộ và Nam Trung Bộ

D. Bắc Trung Bộ và Nam Bộ

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời.
- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và trả lời câu hỏi.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	D	D	A	B	B

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Đóng vai là hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về khu di tích Đền Hùng và Thành Cổ Loa

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 31

CHỦ ĐỀ: THỜI ĐẠI DỰNG NƯỚC VĂN LANG – ÂU LẠC

Tiết 2: TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VĂN LANG – ÂU LẠC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang trên lược đồ.
- Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang Âu Lạc

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng được một số thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Phẩm chất

- Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên, trân trọng và giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống cội nguồn có từ thời dựng nước.

II-THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, Sách Bài tập Lịch sử 6.
- Lược đồ lãnh thổ Việt nam ngày nay
- Tranh ảnh, video liên quan đến bài học.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK, tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV tổ chức trò chơi: Lật mảnh ghép

Câu 1: Nhà nước đầu tiên của nước ta là:

Câu 2: “Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ tổ.....”

Câu 3: Người đứng đầu nhà nước Văn Lang là:

Câu 4: Nước Văn Lang đóng đô ở đâu?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Sự ra đời nước Âu Lạc

a. Mục tiêu: HS trình bày được sự ra đời và tổ chức nhà nước của Âu Lạc.

b) Nội dung:

- Hs làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày sản phẩm.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

*** Nhiệm vụ 1: Trình bày sự ra đời của nhà nước Âu Lạc**

- GV yêu cầu HS khai thác thông tin trong SGK tr.61 và trả lời các câu hỏi sau theo công thức :4W+1H

? Why: Tại sao nhà nước Âu Lạc lại ra đời?

? Who: Ai là người lãnh đạo kháng chiến?

? When: Cuộc kháng chiến nổ ra khi nào?

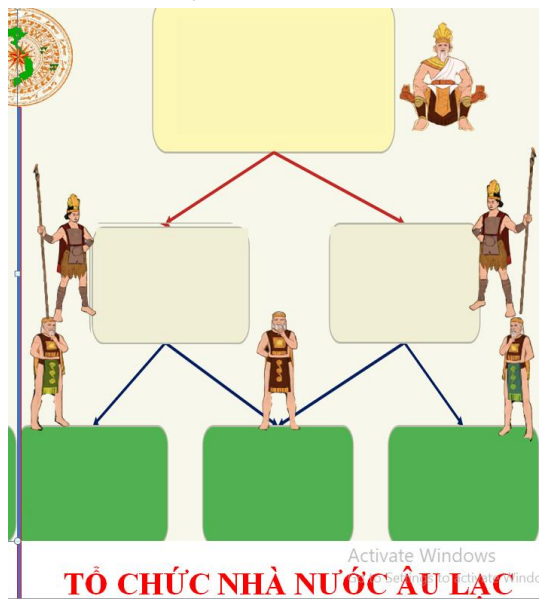
? What: Cuộc khởi nghĩa có kết quả gì?

? How: Cuộc khởi nghĩa có ý nghĩa như thế nào?

- GV hướng dẫn HS để trả lời câu hỏi trên

*** Nhiệm vụ 2: Trình bày tổ chức của Nhà nước Âu Lạc**

- HS đọc dữ liệu trong sách giáo khoa, SGK tr.61 và sau đó lên bảng hoàn thành sơ đồ bộ máy nhà nước Âu Lạc.



? Nhà nước Âu Lạc có điểm gì giống và khác so với nhà nước Văn Lang ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo nhóm, quán sát hình ảnh, đọc SGK và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

2. Sự ra đời nước Âu Lạc

a. Sự ra đời

- Cuối thế kỉ III TCN, quân Tần xâm lược Văn Lang.
- Thục Phán đã lãnh đạo người Âu Việt và Lạc Việt chiến đấu giành thắng lợi.
- Khoảng năm 208 TCN, Thục Phán lên ngôi, xưng là An Dương Vương. Đặt tên nước là Âu Lạc.
- Kinh đô: Phong Khê (Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội)

b. Tổ chức nhà nước

- Tổ chức nhà nước Âu Lạc không có nhiều thay đổi so với nhà nước Văn Lang, quyền lực của nhà vua được mở rộng hơn.

- GV bổ sung: Cuối thế kỉ III TCN, để chống lại sự xâm lược của nhà Tần, người Lạc Việt và Âu Việt đã đoàn kết nhau lại, cử Thục Phán lãnh đạo cuộc kháng chiến. Thục Phán lên ngôi vua, xưng là An Dương Vương lập ra nước Âu Lạc vào năm 208 TCN.

- GV bổ sung:

+ Hình 3: Sơ đồ thành Cổ Loa: HS xác định khu vực cổng thành, thành nội, thành trung, thành ngoại của thành Cổ Loa. Đây là một công trình kiến trúc độc đáo được xây dựng theo hình xoáy tròn ốc, có ba vòng khép kín với tổng chiều dài là 16 000m. Có hào bao quanh phía ngoài, các hào nối với sông Hoàng. Nhờ vậy dù nhiều lần bị quân Triệu Đà tấn công nhưng nhờ có thành cao hào sâu vũ khí tốt nên quân dân Âu Lạc đã lần lượt đánh bại các cuộc tấn công của quân xâm lược. Đó là một biểu tượng của nền văn minh Việt cổ rất đáng tự hào, minh chứng cho trí tuệ của người Việt cổ trong bối cảnh cách đây 2000 năm, khi trình độ kĩ thuật còn thấp kém.

+ Hình 4: Lưỡi nỏ và mũi tên đồng được tìm thấy ở Cổ Loa: Từ truyền thuyết về nỏ thần đến thực tế lịch sử là hàng vạn mũi tên đồng đã được tìm thấy ở Cổ Loa, các loại vũ khí tìm thấy ở thành Cổ Loa kiên cố, vững chắc đã chứng minh sức mạnh quân sự của nhà nước Âu Lạc có sự phát triển hơn so với nhà nước Văn Lang trước đó.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS: *Tham gia trò chơi Ai là triệu phú*

Câu 1. Nước Âu Lạc ra đời vào khoảng năm bao nhiêu ?

- A. 218 TCN
- B. 216 TCN
- C. 210 TCN
- D. 208 TCN

Câu 2. Ai là người lãnh đạo người Âu Việt và Lạc Việt đánh bại quân Tần ?

- A. Thục Phán
- B. Vua Hùng
- C. Hai Bà Trưng
- D. Bà Triệu

Câu 3. Lãnh thổ của nước Âu Lạc thuộc khu vực nào hiện nay?

- A. Bắc Bộ và Nam Trung Bộ
- B. Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ
- C. Nam Bộ và Nam Trung Bộ
- D. Bắc Trung Bộ và Nam Bộ

Câu 4. Kinh đô nước Âu Lạc đóng ở?

- A. Phong Châu
- B. Luy Lâu
- C. Cổ Loa
- D. Thanh Hoá

Câu 5. Đứng đầu Chiềng, chạ là ai

- A. Lạc tướng
- B. Lạc hầu
- C. An Dương Vương
- D. Bò chính

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời.
- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và trả lời câu hỏi.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5
---------	---	---	---	---	---

Đáp án	D	A	B	C	D
--------	---	---	---	---	---

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Đóng vai là hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về khu di tích Đền Hùng và Thành Cổ Loa

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 32

CHỦ ĐỀ: THỜI ĐẠI DỰNG NƯỚC VĂN LANG – ÂU LẠC
Tiết 3: ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN
CỦA CƯ DÂN VĂN LANG – ÂU LẠC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang trên lược đồ.
- Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang Âu Lạc

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng được một số thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Phẩm chất

- Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên, trân trọng và giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống cội nguồn có từ thời dựng nước.

II-THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, Sách Bài tập Lịch sử 6.
- Lược đồ lãnh thổ Việt nam ngày nay
- Tranh ảnh, video liên quan đến bài học.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK, tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV tổ chức trò chơi: Món quà giáng sinh

Câu 1: Nước Âu Lạc ra đời vào năm bao nhiêu ?

Câu 2: Nhà nước đầu tiên của nước ta là:

Câu 3: Kinh đô nước Âu Lạc đóng ở?

Câu 4: Nước Văn Lang đóng đô ở đâu?

Câu 5: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước” - Đây là câu nói của ai?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Sản phẩm dự kiến

Câu 1: Khoảng III TCN

Câu 2: Văn Lang

Câu 3: Cổ Loa

Câu 4: Phong Châu (Phú Thọ ngày nay)

Câu 5: Hồ Chí Minh

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

3. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

a) **Mục tiêu:** HS trình bày được sự ra đời và tổ chức nhà nước của Âu Lạc.

b) **Nội dung:** HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày sản phẩm.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

* **Nhiệm vụ 1: Đời sống vật chất**

- HS đọc mục 3 (SGK- 63) làm việc theo nhóm, thảo luận và trả lời câu hỏi vào *Phiếu học tập số 1*: Mô tả đời sống vật chất của cư dân Văn Lang Âu Lạc.

+ Nhóm 1: Nghề sản xuất chính

+ Nhóm 2: Nguồn lương thực

+ Nhóm 3: Trang phục

+ Nhóm 4: Nơi ở - Phương tiện đi lại

* **Nhiệm vụ 2: Đời sống tinh thần**

- HS đọc dữ liệu trong sách giáo khoa, nêu tên các tục lệ của người Việt

? Lễ hội Đền Hùng được tổ chức vào ngày 10/3 âm lịch hàng năm có ý nghĩa như thế nào?

? Em có nhận xét gì về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

3. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

a. Đời sống vật chất

Nghề sản xuất chính	Nguồn lương thực	Trang phục	Nơi ở	Phương tiện đi lại
Nghề nông trồng lúa nước, trồng dâu...	- Thức ăn chính là gạo nếp, gạo tẻ, rau, cá, muối...	- Nam đóng khố, đi chân đất - Nữ mặc váy, có yếm che - Tóc để ngang vai, búi tóc hoặc tết đuôi sam	Nhà sàn mái cong, mái tròn	Chủ yếu bằng thuyền
Nghề luyện kim, đúc đồng...	- Ngày lễ tết có thêm bánh chưng, bánh giầy,...	Dịp lễ hội: đội thêm mũ lông chim, đeo trang sức,...	Thường làm nhà ở vùng đất cao ven sông	

b. Đời sống tinh thần

- Nghề nông trồng lúa nước cùng với việc khai khẩn đất hoang, làm thủy lợi.
- Nghề luyện kim với đúc đồng và rèn sắt đạt nhiều thành tựu rực rỡ.
- Nguồn thức ăn phong phú và nhà ở
- Trang phục và cách làm đẹp
- Tục thờ cúng tổ tiên và các vị thần trong tự nhiên; tục xăm mình, nhuộm rang, ăn trầu... Các lễ hội gắn với nông nghiệp trồng lúa nước.

GV bổ sung: Đời sống vật chất

+ Người Việt cổ thường ở tổng những ngôi nhà sàn mái cong, phương tiện đi lại chủ yếu bằng thuyền, nguồn lương thực chính là gạo nếp và gạo tẻ.

+ Người Việt đã biết để nhiều kiểu tóc như tết tóc đuôi sam, búi tóc hoặc để xõa ngang vai,, biết dùng đồ trang sức làm từ nhiều nguyên liệu khác nhau (đá , đồng, vỏ nhuyễn thể..) Trang phục phổ biến bấy giờ là nam đóng khố, nữ mặc váy và yếm.

+ Nghề sản xuất chính đó là nông nghiệp trồng lúa nước, hoa màu, trồng dâu và nuôi tằm; luyện kim phát triển với kỹ thuật đúc đồng đạt đến trình độ cao, bước đầu đã biết đến rèn sắt.

GV bổ sung: Đời sống tinh thần

+ Đời sống tinh thần khá phong phú, sinh động với nhiều hoạt động ca hát, nhảy múa và những lễ hội mang đậm đặc trưng của kinh tế nông nghiệp lúa nước.

+ Tổ quốc, thuật luyện kim, nông nghiệp trồng lúa nước, phong tục tập quán riêng, bài học đầu tiên về công cuộc dựng nước. Chính những giá trị cốt

lời đã tạo dựng hun đúc nên bản sắc, truyền thống sức mạnh dân tộc, giúp dân tộc vượt qua được thử thách khắc nghiệt hơn 1000 năm bị Bắc thuộc ở thời kì sau.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS: *Tham gia trò chơi “Nấu bánh chưng”*

Câu 1. Nhà nước đầu tiên của nước ta ra đời vào thế kỉ bao nhiêu ?

- A. VI TCN
- B. VII TCN
- C. VIII TCN
- D. IX TCN

Câu 2. Người đứng đầu các Chiềng, Chạ là ai?

- A. Lạc tướng
- B. Lạc Hầu
- C. Vua Hùng
- D. Bò Chính

Câu 3. Đâu không phải là phong tục của người Văn Lang?

- A. Bánh chưng, bánh giầy
- B. Nhuộm răng đen
- C. Đi chân đất.
- D. Xăm hình

Câu 4. Sự tích Trầu cau và Bánh chưng, bánh giầy phản ánh phong tục gì của cư dân Văn Lang?

- A. Ăn trầu, gói bánh chưng, bánh giầy trong ngày lễ hội.
- B. Nhảy múa, hát ca, đua thuyền trong ngày lễ hội.
- C. Lễ hội, vui chơi được tổ chức thường xuyên.
- D. Trồng lúa nước và lấy đó làm lương thực chính.

Câu 5. “Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ tổ.....”

- A. 8/3
- B. 9/3
- C. 10/3

D. 11/3

Câu 6: Nghề chính của cư dân văn Lang là:

- A. Trồng khoai
- B. Trồng ngô
- C. Trồng lúa nước
- D. Trồng rau

Nhiệm vụ 2: Nối cột

1. Thời Văn Lang	a. Thần Kim Quy
	b. Sơn Tinh - Thủy Tinh
2. Thời Âu Lạc	c. Chữ Đồng Tử, Tiên Dung
	d. Bánh chưng bánh giầy
	e. Trọng Thủy - Mỵ Châu
	f. Trầu cau

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời.
- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và trả lời câu hỏi.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1:

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	C	A	C	C

Nhiệm vụ 2:

1.b; c; d; f.

2.a; e.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Hãy đóng vai 1 hướng dẫn viên du lịch em hãy giới thiệu về:

Nhóm 1: Trống đồng Đông Sơn

Nhóm 2: Tháp Đồng Đào Thịnh

Nhóm 3: Lễ hội đèn Hùng

Nhóm 4: Kỹ thuật luyện kim

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 33

CHỦ ĐỀ: THỜI ĐẠI DỰNG NƯỚC VĂN LANG – ÂU LẠC

Tiết 4: ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN

CỦA CƯ DÂN VĂN LANG – ÂU LẠC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang trên lược đồ.
- Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang Âu Lạc

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng được một số thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Phẩm chất

- Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên, trân trọng và giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống cội nguồn có từ thời dựng nước.

II-THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, Sách Bài tập Lịch sử 6.
- Lược đồ lãnh thổ Việt nam ngày nay
- Tranh ảnh, video liên quan đến bài học.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK, tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV tổ chức trò chơi: Món quà giáng sinh

Câu 1: Nước Âu Lạc ra đời vào năm bao nhiêu ?

Câu 2: Nhà nước đầu tiên của nước ta là:

Câu 3: Kinh đô nước Âu Lạc đóng ở?

Câu 4: Nước Văn Lang đóng đô ở đâu?

Câu 5: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước” - Đây là câu nói của ai?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Sản phẩm dự kiến

Câu 1: Khoảng III TCN

Câu 2: Văn Lang

Câu 3: Cổ Loa

Câu 4: Phong Châu (Phú Thọ ngày nay)

Câu 5: Hồ Chí Minh

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

3. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

a) **Mục tiêu:** HS trình bày được sự ra đời và tổ chức nhà nước của Âu Lạc.

b) **Nội dung:** HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày sản phẩm.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

* **Nhiệm vụ 1: Đời sống vật chất**

- HS đọc mục 3 (SGK- 63) làm việc theo nhóm, thảo luận và trả lời câu hỏi vào *Phiếu học tập số 1*: Mô tả đời sống vật chất của cư dân Văn Lang Âu Lạc.

+ Nhóm 1: Nghề sản xuất chính

+ Nhóm 2: Nguồn lương thực

+ Nhóm 3: Trang phục

+ Nhóm 4: Nơi ở - Phương tiện đi lại

* **Nhiệm vụ 2: Đời sống tinh thần**

- HS đọc dữ liệu trong sách giáo khoa, nêu tên các tục lệ của người Việt

? Lễ hội Đền Hùng được tổ chức vào ngày 10/3 âm lịch hàng năm có ý nghĩa như thế nào?

? Em có nhận xét gì về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

3. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

a. Đời sống vật chất

Nghề sản xuất chính	Nguồn lương thực	Trang phục	Nơi ở	Phương tiện đi lại
Nghề nông trồng lúa nước, trồng dâu...	- Thức ăn chính là gạo nếp, gạo tẻ, rau, cá, muối...	- Nam đóng khố, đi chân đất - Nữ mặc váy, có yếm che - Tóc để ngang vai, búi tóc hoặc tết đuôi sam	Nhà sàn mái cong, mái tròn	Chủ yếu bằng thuyền
Nghề luyện kim, đúc đồng...	- Ngày lễ tết có thêm bánh chưng, bánh giầy,...	Dịp lễ hội: đội thêm mũ lông chim, đeo trang sức,...	Thường làm nhà ở vùng đất cao ven sông	

b. Đời sống tinh thần

- Nghề nông trồng lúa nước cùng với việc khai khẩn đất hoang, làm thủy lợi.
- Nghề luyện kim với đúc đồng và rèn sắt đạt nhiều thành tựu rực rỡ.
- Nguồn thức ăn phong phú và nhà ở
- Trang phục và cách làm đẹp
- Tục thờ cúng tổ tiên và các vị thần trong tự nhiên; tục xăm mình, nhuộm răng, ăn trầu... Các lễ hội gắn với nông nghiệp trồng lúa nước.

GV bổ sung: Đời sống vật chất

+ Người Việt cổ thường ở tổng những ngôi nhà sàn mái cong, phương tiện đi lại chủ yếu bằng thuyền, nguồn lương thực chính là gạo nếp và gạo tẻ.

+ Người Việt đã biết để nhiều kiểu tóc như tết tóc đuôi sam, búi tóc hoặc để xõa ngang vai,, biết dùng đồ trang sức làm từ nhiều nguyên liệu khác nhau (đá , đồng, vỏ nhuyễn thể..) Trang phục phổ biến bấy giờ là nam đóng khố, nữ mặc váy và yếm.

+ Nghề sản xuất chính đó là nông nghiệp trồng lúa nước, hoa màu, trồng dâu và nuôi tằm; luyện kim phát triển với kỹ thuật đúc đồng đạt đến trình độ cao, bước đầu đã biết đến rèn sắt.

GV bổ sung: Đời sống tinh thần

+ Đời sống tinh thần khá phong phú, sinh động với nhiều hoạt động ca hát, nhảy múa và những lễ hội mang đậm đặc trưng của kinh tế nông nghiệp lúa nước.

+ Tổ quốc, thuật luyện kim, nông nghiệp trồng lúa nước, phong tục tập quán riêng, bài học đầu tiên về công cuộc dựng nước. Chính những giá trị cốt

lời đã tạo dựng hun đúc nên bản sắc, truyền thống sức mạnh dân tộc, giúp dân tộc vượt qua được thử thách khắc nghiệt hơn 1000 năm bị Bắc thuộc ở thời kì sau.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS: *Tham gia trò chơi “Nấu bánh chưng”*

Câu 1. Nhà nước đầu tiên của nước ta ra đời vào thế kỉ bao nhiêu ?

- A. VI TCN
- B. VII TCN
- C. VIII TCN
- D. IX TCN

Câu 2. Người đứng đầu các Chiềng, Chạ là ai?

- A. Lạc tướng
- B. Lạc Hầu
- C. Vua Hùng
- D. Bò Chính

Câu 3. Đâu không phải là phong tục của người Văn Lang?

- A. Bánh chưng, bánh giầy
- B. Nhuộm răng đen
- C. Đi chân đất.
- D. Xăm hình

Câu 4. Sự tích Trầu cau và Bánh chưng, bánh giầy phản ánh phong tục gì của cư dân Văn Lang?

- A. Ăn trầu, gói bánh chưng, bánh giầy trong ngày lễ hội.
- B. Nhảy múa, hát ca, đua thuyền trong ngày lễ hội.
- C. Lễ hội, vui chơi được tổ chức thường xuyên.
- D. Trồng lúa nước và lấy đó làm lương thực chính.

Câu 5. “Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ tổ.....”

- A. 8/3
- B. 9/3
- C. 10/3

D. 11/3

Câu 6: Nghề chính của cư dân văn Lang là:

- A. Trồng khoai
- B. Trồng ngô
- C. Trồng lúa nước
- D. Trồng rau

Nhiệm vụ 2: Nối cột

3. Thời Văn Lang	g. Thần Kim Quy
	h. Sơn Tinh - Thủy Tinh
	i. Chữ Đồng Tử, Tiên Dung
4. Thời Âu Lạc	j. Bánh chưng bánh giầy
	k. Trọng Thủy - Mỵ Châu
	l. Trầu cau

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời.
- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và trả lời câu hỏi.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1:

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	C	A	C	C

Nhiệm vụ 2:

1.b; c; d; f.

2.a; e.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Hãy đóng vai 1 hướng dẫn viên du lịch em hãy giới thiệu về:

Nhóm 1: Trống đồng Đông Sơn

Nhóm 2: Tháp Đồng Đào Thịnh

Nhóm 3: Lễ hội đèn Hùng

Nhóm 4: Kỹ thuật luyện kim

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 34:

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

I.MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Ôn tập củng cố kiến thức về Nhà nước Văn Lang- Âu Lạc ; Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của xã hội Âu Lạc.

2. Về năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt:
 - + Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
 - + Rèn luyện kỹ năng so sánh, phân tích, nhận xét lịch sử.
 - + Khai thác và sử dụng thông tin sách giáo khoa lịch sử dưới sự hướng dẫn của giáo viên.
 - + Hệ thống hóa được nội dung kiến thức đã học trong chương trình học kì II
 - + Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành câu hỏi và bài tập.

3. Về phẩm chất

- Giáo dục tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, kính yêu những con người đã xả thân vì đất nước.
- Trách nhiệm, trung thực, tự chủ, tự tin.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: - Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực.

- Kênh hình, lược đồ phóng to, giấy A2/A0 (nếu có thể).

- Máy tính, máy chiếu (tì vi).

2. Học sinh: Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung: - GV: + Sử dụng tư liệu lịch sử, phương pháp nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình,... + Tổ chức cho HS làm việc cá nhân. - HS: + Dưới sự hướng dẫn của GV nghiên cứu tư liệu, suy nghĩ để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức hoạt động: Hướng dẫn HS khái quát những nội dung chính của vấn đề ôn tập.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu: Hướng dẫn HS ôn tập lại kiến thức và làm các bài tập để củng cố kiến thức.

b. Nội dung:- Sử dụng đồ dùng trực quan, tranh ảnh, tư liệu, phương pháp vấn đáp, thuyết trình...

- Tổ chức HS làm việc nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HS làm bài tập trắc nghiệm

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Câu 1. Sự hình thành nhà nước Văn Lang có điểm gì giống so với sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông?

- A. Đều hình thành bên bờ các con sông lớn.
- B. Đều xuất phát từ nhu cầu đoàn kết chống ngoại xâm.
- C. Đều hình thành trong khoảng thời gian tương đồng nhau.
- D. Đều xuất phát từ nhu cầu trị thủy và làm thủy lợi.

Câu 2. Thành Cổ Loa còn có tên gọi là:

- A. Loa thành.
- B. Hoàng thành.
- C. Kinh thành.
- D. Long thành.

Câu 3. Vũ khí đặc biệt dưới thời An Dương Vương là:

- A. Rìu chiến.
- B. Dao găm.
- C. Nỏ và mũi tên đồng.
- D. Giáo.

Câu 4. Đâu không phải là đánh giá đúng về thành Cổ Loa?

- A. Là công trình kiến trúc độc đáo và sáng tạo.
- B. Là căn cứ quân sự lợi hại, một vị trí phòng thủ kiên cố.
- C. Thể hiện trình độ phát triển cao của nước Âu Lạc.
- D. Thành Cổ Loa chỉ là nơi làm, chỗ ở cho các vua chúa.

Câu 5. Sự thất bại của An Dương Vương dẫn tới hậu quả gì?

- A. Đất nước ta lúc đó mất độc lập.
- B. Âu Lạc rơi vào ách đô hộ nhà Triệu.

- C. Âu Lạc chịu sự đô hộ của nhà Tần.
- D. Nhân dân ta khổ cực.

Câu 6. Bài học lớn nhất sau thất bại của An Dương Vương chống quân xâm lược Triệu Đà là

- A. Phải có tinh thần đoàn kết.
- B. Phải có lòng yêu nước.
- C. Phải đề cao cảnh giác với kẻ thù.
- D. Phải có vũ khí tốt.

Câu 7. Bài học đầu tiên và quan trọng nhất về công cuộc giữ nước mà thời Văn Lang - Âu Lạc để lại cho chúng ta là gì?

- A. Bài học về tinh thần cảnh giác.
- B. Bài học về việc xây thành chiến đấu.

C. Bài học về kĩ thuật tác chiến.

D. Việc giành chính quyền đã khó, việc giữ chính quyền lại càng khó hơn.

Câu 8. Kinh đô của nhà nước Văn Lang ở đâu?

A. Phong Châu (Vĩnh Phúc)

B. Phong Châu (Phú Thọ)

C. Cẩm Khê (Hà Nội)

D. Cổ Loa (Hà Nội)

Câu 9. Triệu Đà chia Âu Lạc thành mấy quận ?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 10. Các Quận nào nhà Hán sáp nhập vào Trung Quốc là đúng?

A. Giao Chỉ và Nhật Nam, Mê Linh

B. Giao Chỉ và Phong Châu, Nhật

Nam.

C. Cửu Chân và Mê Linh. Giao Chỉ

D. Giao Chỉ và Cửu Chân,

Nhật Nam.

Câu 11. Nhà Hán đưa người Hán sang châu Giao sinh sống nhằm mục đích gì?

A. Để nhân dân hai nước hiểu nhau.

B. Giúp nhân dân ta nâng cao trình độ dân trí.

C. Bắt dân ta phải theo phong tục, tập quán của người Hán để đồng hóa người Việt.

D. Giải quyết nạn dân số tăng nhanh ở Trung Quốc.

Câu 12. Để đồng hóa dân tộc Việt nhà Hán đã thực hiện chính sách gì?

A. Chính sách cai trị bộ máy.

B. Chính sách kinh tế.

C. Chính sách văn hóa- xã hội.

D. Chính sách hà khắc.

Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang

Câu 13:

Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang- Âu Lạc.

Mỗi ý nêu đúng 0,25đ

*Đời sống vật chất: 1,5đ

- Nghề nông trồng lúa nước, cây hoa màu và trồng dâu, nuôi tằm.

- Nghề luyện kim với nghề đúc đồng và rèn sắt phát triển (trống đồng, thạp đồng).

- Ở nhà sàn: Tre, nứa, lá, gỗ...

- Lương thực: gạo nếp, gạo tẻ...

- Trang phục: đóng khố, cởi trần, đi chân đất...

- Trang sức: mũ lông chim, đeo trang sức (vòng tay, hạt chuỗi...)

*Đời sống tinh thần: 0,5đ

- Tục thờ cúng tổ tiên và thờ các vị thần trong tự nhiên;

- Tục xăm mình, nhuộm răng, ăn trầu,...; các lễ hội gắn với nông nghiệp trồng lúa nước.

Câu 14: Giới thiệu hiểu biết của em truyền thống văn hóa thông qua hình ảnh quan sát được:.

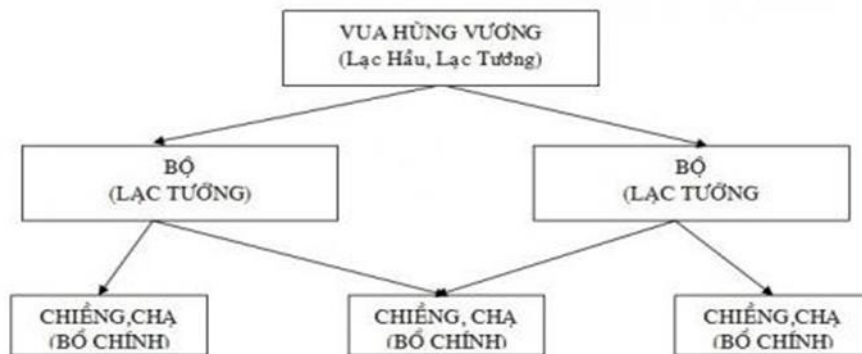
Đây là bánh chưng, bánh giày

Thời gian: Thời vua Hùng

Người tạo ra 2 loại bánh: Hoàng tử Lang Liêu

Ý nghĩa: Bánh giầy hình tròn tượng trưng cho trời, bánh chưng – hình vuông tượng trưng cho đất....được dùng dâng lên tổ tiên trong dịp tết cổ truyền của dân tộc

Câu 15: Vẽ sơ đồ bộ máy nhà nước thời Văn Lang – Âu Lạc?



Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

*HS Th/h nhiệm vụ theo yêu cầu của bài tập

*GV: Hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần)

Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận:

- GV Yêu cầu đại diện của một số nhóm lên trình bày sản phẩm.

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4. Đánh giá kết quả t/hiện nhiệm vụ:

GV NX, đánh giá kết quả hoạt động của HS. Chuẩn kiến thức, bổ sung (nếu cần)

Tiết 35:

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU KIỂM TRA

Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời.

1. Kiến thức

- Kiểm tra, đánh giá mức độ nắm vững kiến thức, kỹ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức, thông hiểu và vận dụng sau khi học.
- Trình bày được kiến thức về:

+ Môn Lịch sử:

+ Môn Địa lí:

2. Năng lực

- Rèn luyện kỹ năng trả lời câu hỏi, kỹ năng làm bài, trình bày những kiến thức có liên quan.

3. Thái độ

- Nghiêm túc trong kiểm tra.
- Cẩn thận khi phân tích câu hỏi, lựa chọn kiến thức có liên quan để trả lời câu hỏi.

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

Hình thức kiểm tra: 40% trắc nghiệm; 60% tự luận

UBND QUẬN HOÀNG MAI
TRƯỜNG THCS HOÀNG MAI

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ KIỂM TRA HỌC GIỮA KÌ II
NĂM HỌC 2023 – 2024

MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ- LỚP 6

Ngày kiểm tra: 11 tháng 03 năm 2024

Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

ĐỀ 1

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ (5.0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Câu 1. Theo sự tích Con Rồng cháu Tiên thì những người con theo mẹ Âu Cơ lên vùng cao đã tôn người anh cả lên làm vua, người đó là ai?

- A. Vua Hùng. B. An Dương Vương. C. Sơn Tinh. D. Thủy Tinh.

Câu 2. Nhà nước đầu tiên được hình thành trên đất nước ta là

- A. nhà nước Lạc Việt. B. nhà nước Tây Âu.
C. nhà nước Âu Lạc. D. nhà nước Văn Lang.

Câu 3. Yêu cầu nào dưới đây đã dẫn đến sự ra đời của nước Văn Lang?

- A. Do nhu cầu sản xuất nông nghiệp. B. Do nhu cầu phát triển lãnh thổ.

Câu 4. Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là

- A. sản xuất thủ công nghiệp. B. sản xuất nông nghiệp.
C. trao đổi, buôn bán trên biển. D. trao đổi, buôn bán lãnh địa.

Câu 5. Kinh đô của nước Văn Lang đóng ở

- A. Phong Khê (Hà Nội ngày nay). B. Luy Lâu (Bắc Ninh ngày nay).
C. Phong Châu (Phú Thọ ngày nay). D. Mê Linh (Hà Nội ngày nay).

Câu 6. Tác động của quá trình giao lưu thương mại ở Đông Nam Á trước thế kỉ X đã làm xuất hiện

- A. các thành phố hiện đại. B. các công trường thủ công.
C. các trung tâm văn hóa. D. các thương cảng.

Câu 7. Các vua Hùng đã có công lao gì với đất nước?

- A. Các vua Hùng đã có công giữ nước.
B. Các vua Hùng đã có công khai hoang mở mang diện tích đất trồng trọt.
C. Các vua Hùng đã có công dựng nước.
D. Các vua Hùng đã có công lãnh đạo nhân dân chống ngoại xâm.

Câu 8. Nền văn hóa có ảnh hưởng nhiều nhất khu vực Đông Nam Á mườì thế kỉ đầu Công nguyên là

- A. văn hóa Ấn Độ. B. văn hóa La Mã.
C. văn hóa Ấn Độ và Trung Hoa. D. văn hóa Trung Hoa.

II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu 1 (1.5 điểm).

a) Hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây về nước Âu Lạc:

Nội dung	Nước Âu Lạc
Nguyên nhân ra đời	
Thời gian	
Địa điểm	
Kinh đô	

b) Vẽ sơ đồ tổ chức nhà nước Âu Lạc và nhận xét.

Câu 2 (1.5 điểm). Quan sát hình ảnh và cho biết hình ảnh gợi cho em nhớ tới phong tục nào của người Việt. Cho biết phong tục này có từ bao giờ? Viết đoạn văn ngắn (3-5 câu) trình bày hiểu biết của bản thân về phong tục này.



B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (5.0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Câu 1: Thành phần nào chiếm tỉ lệ cao nhất trong không khí?

- A. Ô-xi.
- B. Hơi nước.
- C. Ni-tơ.
- D. Cac-bô-nic.

Câu 2: Biểu hiện nào sau đây không phải của biến đổi khí hậu?

- A. Sự nóng lên toàn cầu.
- B. Các hiện tượng thời tiết cực đoan.
- C. Mực nước biển dâng.
- D. Ô nhiễm nguồn nước.

Câu 3: Loại gió nào sau đây thổi thường xuyên trong khu vực đới nóng?

- A. Gió Tín Phong.
- B. Gió Đông cực.
- C. Gió Tây ôn đới.
- D. Gió mùa.

Câu 4: Vùng đất cung cấp nước thường xuyên cho sông gọi là gì?

- A. Thượng lưu sông.
- B. Hạ lưu sông.
- C. Lưu vực sông.
- D. Hữu ngạn sông.

Câu 5: Việt Nam nằm trong đới khí hậu nào trên Trái Đất?

- A. Ôn đới.
- B. Nhiệt đới.
- C. Hàn đới.
- D. Cận nhiệt.

Câu 6: Biến đổi khí hậu chủ yếu là do tác động của yếu tố nào?

- A. Do các thiên thạch rơi xuống.
- B. Do các vụ nổ hạt nhân, thử vũ khí.
- C. Do các thiên tai trong tự nhiên.
- D. Do các hoạt động của con người.

Câu 7: Nước ngọt trên Trái Đất không bao gồm loại nào?

- A. Nước mặt.
- B. Băng, tuyết.
- C. Nước biển.
- D. Nước ngầm.

Câu 8: Hồ nào sau đây ở nước ta có nguồn gốc hình thành từ một khúc sông cũ?

- A. Hồ Gươm.
- B. Hồ Ba Bể.
- C. Hồ Tây.
- D. Hồ Trị An.

II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu 1 (1.5 điểm).

- a) Trình bày khái niệm sông và hồ.
- b) Em hãy vẽ sơ đồ vòng tuần hoàn lớn của nước.

Câu 2 (1.0 điểm). Trình bày một số biện pháp sử dụng hợp lý và bảo vệ nước ngầm.

Câu 3 (0.5 điểm). Em hãy nêu một số vai trò của băng hà đối với tự nhiên và đời sống con người?

-----Hết-----

UBND QUẬN HOÀNG MAI
TRƯỜNG THCS HOÀNG MAI

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ- LỚP 6

Ngày kiểm tra: 11 tháng 03 năm 2024

Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

ĐỀ 2

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ (5.0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Câu 1. Ai là người đã lãnh đạo người Lạc Việt và người Tây Âu kháng chiến chống quân Tần?

- A. Vua Hùng. B. Thục Phán. C. Sơn Tinh. D. Thủy Tinh.

Câu 2. Truyện Mị Châu – Trọng Thủy đã nhắc tới sự kết thúc của nhà nước nào?

- A. Nhà nước Văn Lang. B. Nhà nước Tây Âu.
C. Nhà nước Âu Lạc. D. Nhà nước Lạc Việt.

Câu 3. Yêu cầu nào dưới đây đã dẫn đến sự ra đời của nước Âu Lạc?

- A. Do nhu cầu sản xuất nông nghiệp. B. Do nhu cầu mở rộng lãnh thổ.
C. Do nhu cầu phát triển của xã hội. D. Do nhu cầu chống giặc ngoại xâm.

Câu 4. Các tín ngưỡng bản địa Đông Nam Á đã dung hợp với tôn giáo nào từ Ấn Độ và Trung Quốc?

- A. Ấn Độ giáo, Phật giáo. B. Ấn Độ giáo, Thiên Chúa giáo.
C. Phật giáo, Thiên Chúa giáo. D. Thiên Chúa giáo, Hồi giáo.

Câu 5. Kinh đô của nước Âu Lạc đóng ở

- A. Phong Châu (Phú Thọ ngày nay). B. Luy Lâu (Bắc Ninh ngày nay).
C. Phong Khê (Hà Nội ngày nay). D. Cổ Loa (Hà Nội ngày nay).

Câu 6. Chữ viết của người Chăm có nguồn gốc từ loại văn tự nào?

- A. Chữ tượng hình. B. Chữ Phạn.
C. Chữ hình nêm. D. Chữ la-tinh.

Câu 7. Nội dung nào nhận xét đúng về quân đội nước Âu Lạc thời An Dương Vương?

- A. Có lực lượng lớn, được trang bị vũ khí đầy đủ.
B. Khi có chiến tranh mới được tổ chức và tập hợp.
C. Đã đánh bại mọi cuộc xâm lược của ngoại bang.
D. Chỉ tập trung xây dựng lực lượng bộ binh.

Câu 8. Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á chịu ảnh hưởng đậm nét của tôn giáo nào?

- A. văn hóa Ấn Độ. B. văn hóa La Mã.
C. văn hóa Ấn Độ và Trung Hoa. D. văn hóa Trung Hoa.

II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu 1 (1.5 điểm).

a) Hoàn thành bảng theo mẫu dưới đây về nước Văn Lang:

Nội dung	Nước Văn Lang
Nguyên nhân ra đời	
Thời gian	
Địa điểm	
Người đứng đầu	

Kinh đô	
---------	--

b) Vẽ sơ đồ tổ chức nhà nước Văn Lang và nhận xét.

Câu 2 (1.5 điểm). Quan sát hình ảnh và cho biết hình ảnh gợi cho em nhớ tới phong tục nào của người Việt. Cho biết phong tục này có từ bao giờ? Viết đoạn văn ngắn (3-5 câu) trình bày hiểu biết của bản thân về phong tục này.



B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (5.0 điểm)
I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Câu 1: Thành phần nào chiếm tỉ lệ cao nhất trong không khí?

- A. Ô-xi. B. Ni-tơ. C. Hơi nước. D. Cac-bô-nic.

Câu 2: Biểu hiện nào sau đây **không** phải của biến đổi khí hậu?

- A. Ô nhiễm nguồn nước. B. Các hiện tượng cực đoan.
C. Mực nước biển tăng. D. Sự nóng lên toàn cầu.

Câu 3: Nước trên Trái Đất phân bố chủ yếu ở đâu?

- A. Vũng, vịnh. B. Sông, hồ. C. Biển, đại dương. D. Băng hà.

Câu 4: Vùng đất cung cấp nước thường xuyên cho sông gọi là gì?

- A. Thượng lưu sông. B. Hạ lưu sông.
C. Hữu ngạn sông. D. Lưu vực sông.

Câu 5: Loại gió nào sau đây thổi thường xuyên ở khu vực đới lạnh?

- A. Gió Tín phong. B. Gió Đông cực.
C. Gió Tây ôn đới. D. Gió mùa.

Câu 6: Lượng mưa trung bình năm trên 2000mm là đặc điểm của đới khí hậu nào?

- A. Cận nhiệt. B. Hàn đới.
C. Nhiệt đới. D. Ôn đới.

Câu 7: Lớp nước trên Trái Đất **không** tồn tại ở trạng thái nào sau đây?

- A. Rắn. B. Quánh dẻo.
C. Lỏng. D. Hơi.

Câu 8: Sông A-ma-dôn dài nhất thế giới nằm ở châu lục nào?

- A. Châu Á. B. Châu Mỹ. C. Châu Âu. D. Châu Phi.

II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu 1 (1.5 điểm).

- a) Trình bày khái niệm thời tiết và khí hậu.
b) Em hãy vẽ sơ đồ hệ thống sông.

Câu 2 (1.0 điểm). Trình bày một số biện pháp sử dụng hợp lí và bảo vệ nước ngầm.

Câu 3 (0.5 điểm). Nêu nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước sông, hồ ở địa phương em.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề 1

A. Phân môn Lịch sử

Mỗi đáp án đúng 0,25 điểm.

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

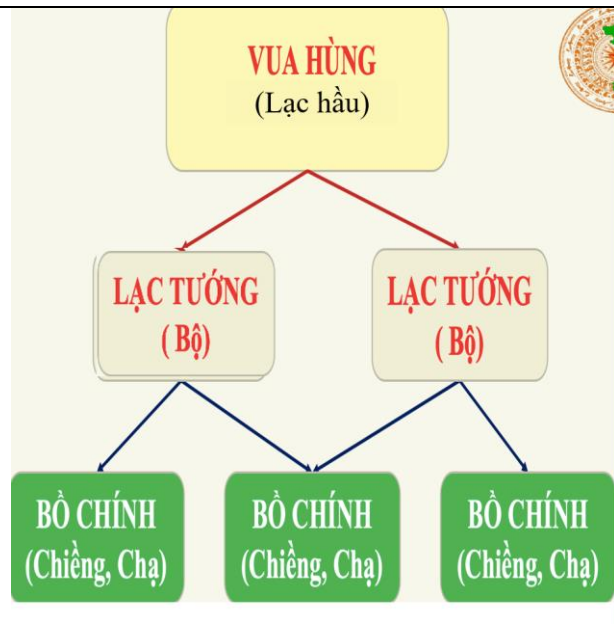
Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	A	B	B	C	D	C

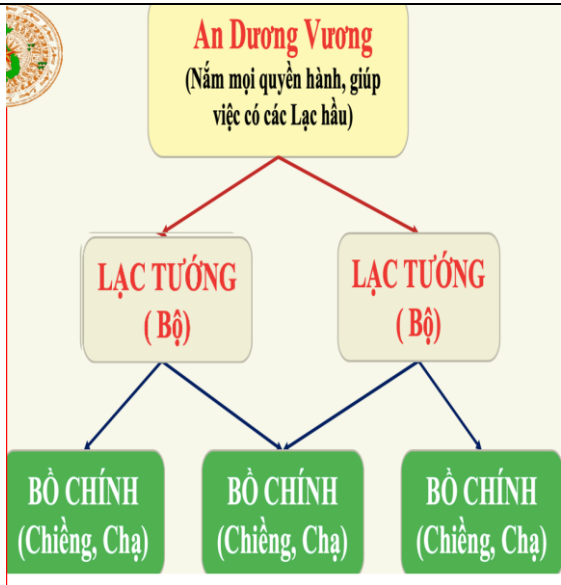
II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM										
1 (2 điểm)	Hoàn thành bảng	1										
	<table><tr><th>Nội dung</th><th>Nước Âu Lạc</th></tr><tr><td><i>Nguyên nhân ra đời</i></td><td>Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần của cư dân Tây Âu và Lạc Việt</td></tr><tr><td><i>Thời gian</i></td><td>Khoảng năm 208 TCN</td></tr><tr><td><i>Người đứng đầu</i></td><td>Thục Phán – An Dương Vương</td></tr><tr><td><i>Kinh đô</i></td><td>Cổ Loa (Đông Anh – Hà Nội)</td></tr></table>	Nội dung	Nước Âu Lạc	<i>Nguyên nhân ra đời</i>	Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần của cư dân Tây Âu và Lạc Việt	<i>Thời gian</i>	Khoảng năm 208 TCN	<i>Người đứng đầu</i>	Thục Phán – An Dương Vương	<i>Kinh đô</i>	Cổ Loa (Đông Anh – Hà Nội)	0.25 0.25 0.25 0.25
	Nội dung	Nước Âu Lạc										
	<i>Nguyên nhân ra đời</i>	Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần của cư dân Tây Âu và Lạc Việt										
	<i>Thời gian</i>	Khoảng năm 208 TCN										
	<i>Người đứng đầu</i>	Thục Phán – An Dương Vương										
	<i>Kinh đô</i>	Cổ Loa (Đông Anh – Hà Nội)										
	Vẽ sơ đồ tổ chức Nhà nước Âu Lạc	1 đ										
	<pre>graph TD; AV[An Dương Vương (Nắm mọi quyền hành, giúp việc có các Lạc hầu)] --> LT1[LẠC TƯỚNG (Bộ)]; AV --> LT2[LẠC TƯỚNG (Bộ)]; LT1 --> BC1[BỘ CHÍNH (Chiềng, Chạ)]; LT1 --> BC2[BỘ CHÍNH (Chiềng, Chạ)]; LT2 --> BC3[BỘ CHÍNH (Chiềng, Chạ)];</pre>	0.5										
	Nhận xét: Tổ chức nhà nước Âu Lạc không có nhiều thay đổi so với nhà nước Văn Lang, quyền lực của nhà vua được mở rộng hơn.	0.5										
* Quan sát hình ảnh và cho biết hình ảnh gợi cho em nhớ tới phong tục nào của người Việt. Cho biết phong tục này có từ bao giờ?	0.5 đ											
- Tục ăn trâu cau. - Có từ thời Văn Lang – Âu Lạc.	0.5											

Đáp án	B	C	D	A	B	D	B	B
--------	---	---	---	---	---	---	---	---

II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM												
1 (2 điểm)	Hoàn thành bảng	1.25												
	<table><tr><th>Nội dung</th><th>Nước Văn Lang</th></tr><tr><td>Nguyên nhân ra đời</td><td>- Sự phân hóa giàu, nghèo => Xã hội nảy sinh mâu thuẫn. - Nhu cầu thủy lợi và chống giặc ngoại xâm.</td></tr><tr><td>Thời gian</td><td>- Khoảng thế kỉ VII TCN.</td></tr><tr><td>Địa điểm</td><td>- Lưu vực các dòng sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay.</td></tr><tr><td>Người đứng đầu</td><td>- Hùng Vương (vua Hùng).</td></tr><tr><td>Kinh đô</td><td>-Phong Châu (Phú Thọ ngày nay).</td></tr></table>	Nội dung	Nước Văn Lang	Nguyên nhân ra đời	- Sự phân hóa giàu, nghèo => Xã hội nảy sinh mâu thuẫn. - Nhu cầu thủy lợi và chống giặc ngoại xâm.	Thời gian	- Khoảng thế kỉ VII TCN.	Địa điểm	- Lưu vực các dòng sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay.	Người đứng đầu	- Hùng Vương (vua Hùng).	Kinh đô	-Phong Châu (Phú Thọ ngày nay).	0.25 0.25 0.25 0.25 0.25 0.25
	Nội dung	Nước Văn Lang												
	Nguyên nhân ra đời	- Sự phân hóa giàu, nghèo => Xã hội nảy sinh mâu thuẫn. - Nhu cầu thủy lợi và chống giặc ngoại xâm.												
	Thời gian	- Khoảng thế kỉ VII TCN.												
	Địa điểm	- Lưu vực các dòng sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay.												
	Người đứng đầu	- Hùng Vương (vua Hùng).												
	Kinh đô	-Phong Châu (Phú Thọ ngày nay).												
	Vẽ sơ đồ tổ chức Nhà nước Văn Lang.	0.75 đ												
		0.5												
Nhận xét: đơn giản, sơ khai	0.25													
* Quan sát hình ảnh và cho biết hình ảnh gợi cho em nhớ tới phong tục nào của người Việt. Cho biết phong tục này có từ bao giờ?	0.5 đ													
- Tục làm bánh chưng bánh dày. - Có từ thời Văn Lang – Âu Lạc.	0.5													
* Viết đoạn văn ngắn (3-5 câu) trình bày hiểu biết của bản thân về phong tục này.	0.5 đ													

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (1.5 điểm)	a) Vẽ sơ đồ tổ chức Nhà nước Âu Lạc.	0.75 đ
		0.75
	b) Những phong tục nào trong văn hóa Việt Nam hiện nay được kế thừa từ thời Văn Lang – Âu Lạc? Hãy trình bày hiểu biết của bản thân về một phong tục.	0.75 đ
	HS kể tên được 2 phong tục còn tồn tại đến ngày nay được 0.5 đ. Trình bày hiểu biết của bản thân được 0.25đ.	
2 (1.5 điểm)	* Quan sát hình ảnh và cho biết hình ảnh gợi cho em liên tưởng tới vị anh hùng dân tộc nào trong thời Bắc thuộc.	0.5 đ
	Anh hùng dân tộc thời Bắc thuộc: Bà Triệu.	0.5
	* Trình bày về công lao của vị anh hùng dân tộc đó đối với lịch sử Việt Nam.	1 đ
	- Nguyên nhân: Chính sách cai trị hà khắc của nhà Ngô	0.25
	- Diễn biến: + Năm 248 khởi nghĩa bùng nổ ở núi Nưa, Thanh Hóa. + Nghĩa quân giành được chính quyền ở nhiều huyện lỵ, khiến cho Giao Châu chấn động. + Nhà Ngô cử quân sang đàn áp.	0.25
	- Kết quả: Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, Bà Triệu hi sinh trên núi Tùng.	0.25
	- Ý nghĩa: Làm rung chuyển chính quyền đô hộ, góp phần thức tỉnh ý thức dân tộc, tạo đà cho các cuộc khởi nghĩa sau này.	0.25

Phân môn Địa lí

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Mỗi đáp án đúng 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	B	C	A	C	D	A	B

II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM								
1 (1.5 điểm)	- Đặc điểm chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời + Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo quỹ đạo hình elip gần tròn. + Hướng quay từ Tây sang Đông. + Thời gian quay hết 1 vòng là 365 ngày 6 giờ. + Khi chuyển động trục của Trái đất không thay đổi độ nghiêng và hướng nghiêng.	0.75								
	- Hiện tượng mùa trên Trái Đất. + Trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng khi chuyển động quanh Mặt Trời nên có lúc bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời, có lúc bán cầu Nam ngả về phía Mặt Trời.	0.25								
	+ Bán cầu nào ngả về phía Mặt Trời nên nhận được nhiều năng lượng ánh sáng và nhiệt nên đó là mùa nóng.	0.25								
	+ Bán cầu nào không ngả về phía Mặt Trời nên nhận được ít năng lượng ánh sáng và nhiệt nên đó là mùa lạnh.	0.25								
2 (1 điểm)	Giống nhau: Đều là dạng địa hình nhô cao rõ rệt so với địa hình xung quanh.	0.25								
	Khác nhau:									
	<table><tr><th>Núi</th><th>Đồi</th></tr><tr><td>Độ cao trên 500m so với mực nước biển</td><td>Độ cao dưới 200m so với vùng đất xung quanh</td></tr><tr><td>Đỉnh nhọn, sườn dốc.</td><td>Đỉnh tròn, sườn thoải.</td></tr><tr><td></td><td>Thường đứng tập trung thành vùng</td></tr></table>	Núi	Đồi	Độ cao trên 500m so với mực nước biển	Độ cao dưới 200m so với vùng đất xung quanh	Đỉnh nhọn, sườn dốc.	Đỉnh tròn, sườn thoải.		Thường đứng tập trung thành vùng	0.25
	Núi	Đồi								
	Độ cao trên 500m so với mực nước biển	Độ cao dưới 200m so với vùng đất xung quanh								
Đỉnh nhọn, sườn dốc.	Đỉnh tròn, sườn thoải.									
	Thường đứng tập trung thành vùng									
		0.25								
		0.25								
3 0.5 điểm	Nhật Bản : 4h ngày 14/12	0.25								
	Anh: 00h ngày 14/12	0.25								

Tiết 36:

BÀI 15. CHÍNH SÁCH CAI TRỊ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA XÃ HỘI ÂU LẠC (T1)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được một số chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.
- Nhận biết được một số chuyển biến cơ bản về kinh tế, xã hội của người Việt cổ dưới ách cai trị, đô hộ của triều đại phong kiến phương Bắc.

2. Về năng lực

**** Năng lực chung:***

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

**** Năng lực riêng:***

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Biết đồng cảm và chia sẻ với nỗi thống khổ của nhân dân dưới ách thống trị ngoại xâm, bước đầu nhận thức được giá trị của độc lập, tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập.
- Lược đồ phóng to đơn vị hành chính nước ta thời thuộc Đường.
- Các hình ảnh minh họa có liên quan đến nội dung bài học.
- Máy tính, máy chiếu; giấy AO (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV tổ chức trò chơi” Ô cửa bí mật”

Câu hỏi số 1: Cư dân Văn Lang -Âu Lạc đi lại chủ yếu bằng:

A. Xe đạp.

B. Thuyền

C. Xe máy

D. Máy bay

Câu hỏi số 2 : Sự tích Trầu cau và Bánh chưng, bánh giầy phản ánh phong tục gì của cư dân Văn Lang?

A. Nhảy múa, hát ca, đua thuyền trong ngày lễ hội.

B. Lễ hội, vui chơi được tổ chức thường xuyên

C. Ăn trầu, gói bánh chưng, bánh giầy trong ngày lễ hội.

D. Trồng lúa nước và lấy đó làm lương thực chính.

Câu hỏi số 3: Truyện “Bánh chưng, bánh giầy” nói lên quan niệm gì?

A. Phải thờ cúng tổ tiên trong ngày tết, lễ hội.

B. Cách chế biến thức ăn.

C. Nguồn gốc của con người

D. Lễ cưới ngày xưa

Câu hỏi số 4: Nghề chính của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là gì?

A. Thủ công nghiệp

B. Lâm nghiệp

C. Thương nghiệp.

D. Trồng lúa nước

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	B	C	A	D

“Bồng bồng bông bông bông bông

Khăn điều mẹ bé con Rồng cháu Tiên”

Lời hát ru có từ bao đời nay đưa chúng ta trở về nguồn cội của dân tộc mình.

Cách ngày nay gần 3000 năm, cha ông ta đã làm nhà, xây làng, dựng nước, chống giặc ngoại xâm, để lại cho chúng ta một giang sơn gấm vóc, một nền văn hóa phù hợp với điều kiện tự nhiên và lối sống của dân tộc.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc

a. Mục tiêu: HS hiểu chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận và KT đặt câu hỏi để hỏi.
- Hs làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày sản phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS

d. Tổ chức thực hiện

** Nhiệm vụ 1: Về bộ máy cai trị*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS đọc thông tin, khai thác sơ đồ hình 1 và lược đồ hình 2 trong SGK để thực hiện yêu cầu

? Sơ đồ hình 1 và lược đồ hình 2 trong SGK em hãy cho biết một số chính sách để áp đặt bộ máy cai trị của phong kiến phương Bắc ở nước ta?

? Em có nhận xét gì về tổ chức nhà nước Văn Lang và tổ chức chính quyền dưới ách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc?

- GV cho HS thảo luận cặp đôi, sau đó đại diện trình bày trước lớp

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV lưu ý HS có thể khai thác thông tin về thành Luy Lâu ở mục *Em có biết* để nhận biết được vai trò là trị sở, trung tâm chính trị quyền lực của các triều đại phong kiến phương Bắc từ thời Đông Hán đến thời Đường.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

+ GV mở rộng giải thích để HS rõ về việc chính quyền đô hộ chia tách lãnh thổ Âu Lạc thành các châu quận .

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

** Nhiệm vụ 2: Về kinh tế*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- HS đọc dữ liệu trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

? Em hãy liệt kê các chính sách bóc lột kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc?

Bước 2:

- GV lưu ý HS có thể khai thác thông tin về thành Luy Lâu ở mục *Em có biết* để nhận biết được vai trò là trị sở, trung tâm chính trị quyền lực của các triều đại phong kiến phương Bắc từ thời Đông Hán đến thời Đường.

Bước 3:

+ GV mở rộng giải thích để HS rõ về việc chính quyền đô hộ chia tách lãnh thổ Âu Lạc thành các châu quận .

Bước 4:

GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

Nhiệm vụ 3: Về văn hóa – xã hội**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

HS đọc dữ liệu trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

? Chính sách cai trị về văn hoá - xã hội của chính quyền phương Bắc đối với nước ta?

Bước 2:

GV cho HS đọc, khai thác thêm thông tin trong mục *Em có biết* mở rộng hiểu biết, đề' thấy rõ những tiến bộ về kĩ thuật của nước ta thời kì Bắc thuộc như: kĩ thuật làm giấy từ cây mật hương thông qua tiếp thu kĩ thuật làm giấy từ Trung Quốc. GV có thể giới thiệu thêm về lỗ thuật “dùng côn trùng diệt côn trùng”.

Bước 3:

GV có thể mở rộng nhận thức cho HS: Việc tìm thấy đồ gốm ở Luy Lâu cùng với khuôn đúc trống đồng, đồ tùy táng tại đây đã cho thấy, dù bị áp bức, bóc lột nhưng đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Việt cổ vẫn phát triển và đạt được không ít thành tựu nổi bật.

Bước 4:

GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc.**a. Về bộ máy cai trị**

- Sáp nhập nước ta vào lãnh thổ Trung Quốc, chia thành các đơn vị hành chính.
- Áp dụng pháp luật hà khắc và thẳng tay đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân ta.

b. Về kinh tế

- Chiếm ruộng đất của nhân dân Âu Lạc để lập thành ấp, trại và bắt dân ta cày cấy.

-
- Áp đặt chính sách tô thuế nặng nề.
 - Nắm độc quyền về sắt và muối, bắt dân ta cống nạp nhiều vải vóc, hương liệu, sản vật quý.

c. Về văn hóa – xã hội

- Thực hiện chính sách đồng hoá dân tộc Việt.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Thu hoạch cà rốt” và phổ biến luật chơi cho HS: Các em hãy giúp thỏ con thu hoạch cà rốt bằng cách trả lời những câu hỏi của GV.

Câu 1: Địa danh nào dưới đây không phải là trị sở của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kỳ Bắc thuộc?

- A. Thành Cổ Loa.
- B. Thành Luy Lâu.
- C. Thành Tống Bình.
- D. Thành Đại La

Câu 2: Đâu không phải là chính sách đồng hoá của chính quyền phong kiến phương Bắc?

- A. Xoá bỏ các phong tục của dân Việt
- B. Giữ nguyên các phong tục của dân Việt
- C. Mở trường dạy chữ Hán
- D. Đưa người Hán sang ở cùng với dân Việt

Câu 3: Đứng đầu chính quyền đô hộ của nhà Hán ở các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam là

- A. Thứ sử
- B. Huyện lệnh
- C. Thái thú

D. Tiết độ sứ

Câu 4: Ý nào dưới đây không thể hiện đúng chính sách cai trị kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc?

- A. Áp đặt chính sách, tô thuế nặng nề.
- B. Chiếm ruộng của Âu Lạc lập thành ấp, trại.
- C. Bắt nhân dân ta cống nạp các sản vật quý trên rừng dưới biển
- D. Cho phép nhân dân bản địa sản xuất muối và sắt

Bài tập 2: Nối cột

A	B
1. Năm 179, TCN nhà Triệu	a. Chia nước ta thành ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam gộp với 6 quận của Trung Quốc thành Châu Giao.
2. Năm 111, TCN nhà Hán	b. Chia nước ta thành hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân.
5. Năm 679, nhà Đường	c. Đổi giao châu thành An Nam đô hộ phủ.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

BT 1:

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	B	C	D

BT 2:

1-B,2-A,3-C

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Giải thích vì sao chính sách đồng hoá của các triều đại phương kiến phương Bắc lại thất bại

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 37:

BÀI 15. CHÍNH SÁCH CAI TRỊ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA XÃ HỘI ÂU LẠC (T2)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được một số chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.
- Nhận biết được một số chuyển biến cơ bản về kinh tế, xã hội của người Việt cổ dưới ách cai trị, đô hộ của triều đại phong kiến phương Bắc.

2. Về năng lực

**** Năng lực chung:***

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

**** Năng lực riêng:***

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Biết đồng cảm và chia sẻ với nỗi thống khổ của nhân dân dưới ách thống trị ngoại xâm, bước đầu nhận thức được giá trị của độc lập, tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập.
- Lược đồ phóng to đơn vị hành chính nước ta thời thuộc Đường.
- Các hình ảnh minh họa có liên quan đến nội dung bài học.
- Máy tính, máy chiếu; giấy AO (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm ôn tập kiến thức cũ

Câu 1: Địa danh nào dưới đây không phải là trị sở của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kỳ Bắc thuộc?

A. Thành Cổ Loa.

B. Thành Luy Lâu.

C. Thành Tống Bình.

D. Thành Đại La

Câu 2: Đâu không phải là chính sách đồng hoá của chính quyền phong kiến phương Bắc?

A. Xoá bỏ các phong tục của dân Việt

B. Giữ nguyên các phong tục của dân Việt

C. Mở trường dạy chữ Hán

D. Đưa người Hán sang ở cùng với dân Việt

Câu 3: Đứng đầu chính quyền đô hộ của nhà Hán ở các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam là

A. Thứ sử

B. Huyện lệnh

C. Thái thú

D. Tiết độ sứ

Câu 4: Ý nào dưới đây không thể hiện đúng chính sách cai trị kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc?

- A. Áp đặt chính sách, tô thuế nặng nề.
- B. Chiếm ruộng của Âu Lạc lập thành ấp, trại.
- C. Bắt nhân dân ta cống nạp các sản vật quý trên rừng dưới biển
- D. Cho phép nhân dân bản địa sản xuất muối và sắt

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	B	C	D

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Những chuyển biến về' kinh tế - xã hội trong thời kì Bắc thuộc

a. Mục tiêu: Những chuyển biến về kinh tế - xã hội trong thời kì Bắc thuộc

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận và KT đặt câu hỏi để hỏi.
- Hs làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày sản phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Chuyển biến về kinh tế.

Quan sát những bức hình sau và cho biết đó là nghề nào?



Nhiệm vụ 2: Chuyển biến về xã hội:

Hoàn thành phiếu học tập sau

PHIẾU HỌC TẬP		
✓ Tầng lớp nào bị Việt hoá?	✓ Tầng lớp nào được hình thành?	✓ Mâu thuẫn trong xã hội là mâu thuẫn giữa ai với ai?

? Theo em từng lớp nào trong xã hội sẽ là thủ lĩnh của những cuộc đấu tranh giành độc lập cho người Việt? vì sao?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

2. Những chuyển biến về kinh tế - xã hội trong thời kì Bắc thuộc.

a. Chuyển biến về kinh tế:

- Trồng lúa vẫn là nghề chính bên cạnh nghề trồng cây hoa màu, cây ăn quả và chăn nuôi.

-
- Kỹ thuật đắp đê, làm thủy lợi phát triển tạo nên những cánh đồng chuyên canh cây lúa rộng lớn.
 - Nghề sắt vẫn phát triển cùng với các nghề đúc đồng, làm gốm, làm mộc, làm đồ trang sức....
 - Quan hệ buôn bán trong và ngoài khu vực được đẩy mạnh hơn trước
- b. Chuyển biến về xã hội:**
- Một số quan lại, địa chủ người Hán bị Việt hóa
 - Tầng lớp hào trưởng bản địa hình thành.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Câu 1: Nghề thủ công mới xuất hiện ở nước ta thời Bắc thuộc:

- | | |
|------------------|------------------|
| A. Nghề làm sắt. | C. Nghề đúc đồng |
| B. Nghề làm giấy | D. Nghề làm gốm |

Câu 2: Tầng lớp nào trong xã hội đóng vai trò lãnh đạo người Việt đấu tranh giành độc lập, tự chủ trong thời kì Bắc thuộc?

- A. Địa chủ người Việt
- B. Quan lại, địa chủ người Hán bị Việt hoá..
- C. Nông dân làng xa
- D. Hào trưởng bản địa

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

BT 1:

Câu hỏi	1	2
Đáp án	B	A

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

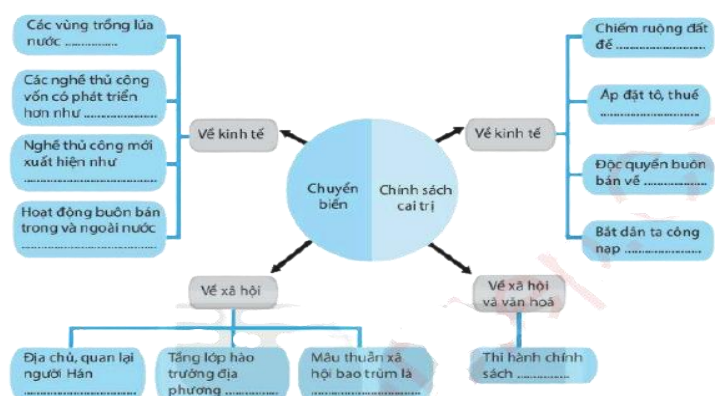
b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:



B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 38:

BÀI 15. CHÍNH SÁCH CAI TRỊ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA XÃ HỘI ÂU LẠC (T2)

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được một số chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.
- Nhận biết được một số chuyển biến cơ bản về kinh tế, xã hội của người Việt cổ dưới ách cai trị, đô hộ của triều đại phong kiến phương Bắc.

2. Về năng lực

**** Năng lực chung:***

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

**** Năng lực riêng:***

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Biết đồng cảm và chia sẻ với nỗi thống khổ của nhân dân dưới ách thống trị ngoại xâm, bước đầu nhận thức được giá trị của độc lập, tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập.
- Lược đồ phóng to đơn vị hành chính nước ta thời thuộc Đường.
- Các hình ảnh minh họa có liên quan đến nội dung bài học.
- Máy tính, máy chiếu; giấy AO (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm ôn tập kiến thức cũ

Câu 1: Địa danh nào dưới đây không phải là trị sở của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kỳ Bắc thuộc?

A. Thành Cổ Loa.

B. Thành Luy Lâu.

C. Thành Tống Bình.

D. Thành Đại La

Câu 2: Đâu không phải là chính sách đồng hoá của chính quyền phong kiến phương Bắc?

A. Xoá bỏ các phong tục của dân Việt

B. Giữ nguyên các phong tục của dân Việt

C. Mở trường dạy chữ Hán

D. Đưa người Hán sang ở cùng với dân Việt

Câu 3: Đứng đầu chính quyền đô hộ của nhà Hán ở các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam là

A. Thứ sử

B. Huyện lệnh

C. Thái thú

D. Tiết độ sứ

Câu 4: Ý nào dưới đây không thể hiện đúng chính sách cai trị kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc?

- E. Áp đặt chính sách, tô thuế nặng nề.
- F. Chiếm ruộng của Âu Lạc lập thành ấp, trại.
- G. Bắt nhân dân ta cống nạp các sản vật quý trên rừng dưới biển
- H. Cho phép nhân dân bản địa sản xuất muối và sắt

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	B	C	D

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Những chuyển biến về kinh tế - xã hội trong thời kì Bắc thuộc

a. Mục tiêu: Những chuyển biến về kinh tế - xã hội trong thời kì Bắc thuộc

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận và KT đặt câu hỏi để hỏi.
- Hs làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày sản phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Chuyển biến về kinh tế.

Quan sát những bức hình sau và cho biết đó là nghề nào?



Nhiệm vụ 2: Chuyển biến về xã hội:

Hoàn thành phiếu học tập sau

PHIẾU HỌC TẬP

✓ Tầng lớp nào bị Việt hoá?

✓ Tầng lớp nào được hình thành?

✓ Mâu thuẫn trong xã hội là mâu thuẫn giữa ai với ai

? Theo em từng lớp nào trong xã hội sẽ là thủ lĩnh của những cuộc đấu tranh giành độc lập cho người Việt? vì sao?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

2. Những chuyển biến về kinh tế - xã hội trong thời kì Bắc thuộc.

a. Chuyển biến về kinh tế:

- Trồng lúa vẫn là nghề chính bên cạnh nghề trồng cây hoa màu, cây ăn quả và chăn nuôi.

-
- Kỹ thuật đắp đê, làm thủy lợi phát triển tạo nên những cánh đồng chuyên canh cây lúa rộng lớn.
 - Nghề sắt vẫn phát triển cùng với các nghề đúc đồng, làm gốm, làm mộc, làm đồ trang sức....
 - Quan hệ buôn bán trong và ngoài khu vực được đẩy mạnh hơn trước
- b. Chuyển biến về xã hội:**
- Một số quan lại, địa chủ người Hán bị Việt hóa
 - Tầng lớp hào trưởng bản địa hình thành.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Câu 1: Nghề thủ công mới xuất hiện ở nước ta thời Bắc thuộc:

- A. Nghề làm sắt.
- B. Nghề làm giấy
- C. Nghề đúc đồng
- D. Nghề làm gốm

Câu 2: Tầng lớp nào trong xã hội đóng vai trò lãnh đạo người Việt đấu tranh giành độc lập, tự chủ trong thời kì Bắc thuộc?

- A. Địa chủ người Việt
- B. Quan lại, địa chủ người Hán bị Việt hoá..
- C. Nông dân làng xa
- D. Hào trưởng bản địa

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

BT 1:

Câu hỏi	1	2
Đáp án	B	A

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

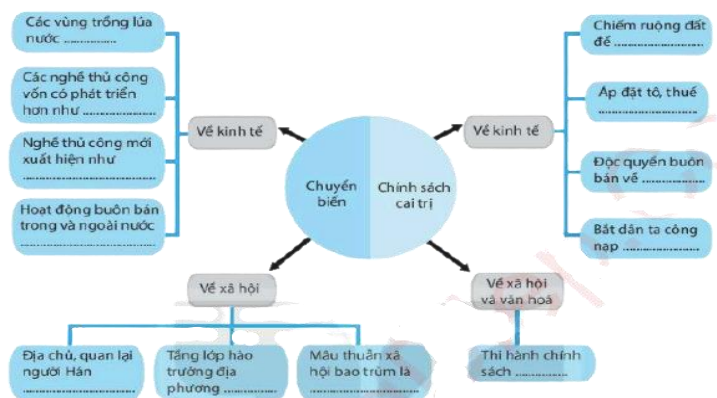
b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:



B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dẫn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 39:

BÀI 16. CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA TIÊU BIỂU GIÀNH ĐỘC LẬP TRƯỚC THẾ KỈ X (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Lập được sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.
- Trình bày được những nét chính, giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng).
- Nêu được kết quả và ý nghĩa lịch sử của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.

2. Về năng lực

* *Năng lực chung:*

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực đặc thù:**

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.

- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu đề phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Yêu nước, tự hào về tinh thần bất khuất, “không chịu cúi đầu” của dân tộc, biết ơn các anh hùng dân tộc - lãnh tụ các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập.

- Kênh hình, lược đồ phóng to, giấy A2/A0 (nếu có thể).

- Video clip về khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa Lý Bí, khởi nghĩa Mai Thúc Loan,...

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1.KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Món quà năm mới”

Câu 1: Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta về mặt văn hoá?

Câu 2: Về kinh tế triều đại phong kiến phương Bắc độc quyền về:

Câu 3: Nghề mới nào xuất hiện ở nước ta thời kì Bắc thuộc?

Câu 4: Ai sẽ là thủ lĩnh những cuộc đấu tranh giành độc lập cho người Việt?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Sản phẩm dự kiến

Câu 1: Đồng hoá nhân dân ta

Câu 2: Muối và sắt

Câu 3: Làm giấy và thuỷ tinh

Câu 4: Các hào trưởng người Việt

Chính sách thôn tín, sáp nhập và đồng hóa của các triều đại phong kiến Trung Quốc nhằm xóa đi tên đất, tên làng, tiếng nói và phong tục của người Việt gặp phải sự phản kháng quyết liệt của nhân dân ta. Một ngàn năm không chịu cúi đầu, lớp lớp các thế hệ “con Rồng cháu Tiên” không ngừng vùng lên đấu tranh giành lại giang sơn gấm vóc và độc lập tự chủ cho dân tộc

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng

a.Mục tiêu: HS rút ra nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

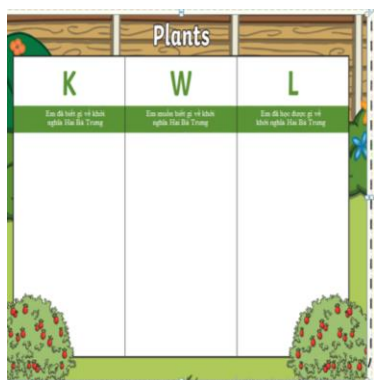
HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

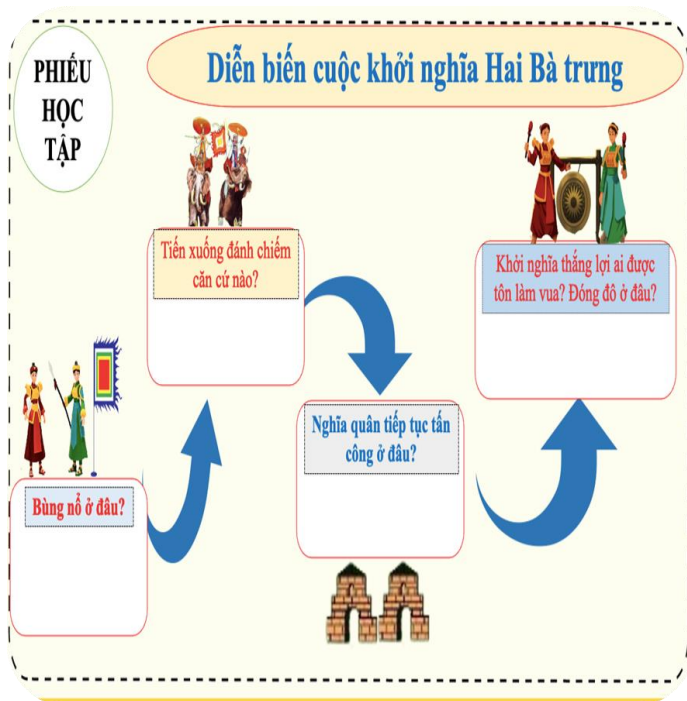
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Gv tổ chức cho HS tìm hiểu kiến thức theo K-W-L



Nhiệm vụ 2: Diễn biến

Thảo luận theo cặp đôi hoàn thành phiếu học tập sau



Nhiệm vụ 3: Kết quả, ý nghĩa

? Em hãy cho biết kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

1. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng

a. Nguyên nhân

- Nguyên nhân sâu xa:

+ Chính sách cai trị hà khắc của chính quyền đô hộ nhà Hán.

- Nguyên nhân trực tiếp:

+ Cái chết của Thi Sách chồng của Trưng Trắc

b. Diễn biến

- Mùa xuân năm 40, Trưng Trắc, Trưng Nhị dấy binh khởi nghĩa.

- Nghĩa quân nhanh chóng chiếm được Mê Linh, Cổ Loa và hạ được thành Luy Lâu. Tô Định bỏ chạy về nước.

c. Kết quả

- Cuộc khởi nghĩa giành được quyền tự chủ trong ba năm nhưng cuối cùng bị đàn áp do tương quan lực lượng chênh lệch.

d. Ý nghĩa

- Là cuộc khởi nghĩa lớn đầu tiên trong thời Bắc thuộc. Thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí anh hùng của người phụ nữ Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi “Ai là triệu phú”

Câu 1: Cuộc khởi nghĩa đầu tiên bùng nổ trong thời kì Bắc thuộc do ai lãnh đạo?

-
- A. Lý Bí
 - B. Mai Thúc Loan
 - C. Bà Triệu
 - D. Hai Bà Trưng

Câu 2: Kết quả lớn nhất của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là:

- A. Trưng Trắc lên ngôi vua
- B. Quân Tô Định phải rút quân về nước
- C. Đánh tan quân Mã Viện
- D. Lật đổ ách cai trị của nhà Hán , giành được độc lập, tự chủ

Câu 3: Địa bàn nổi ra cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng ngày nay là:

- A. Hà Giang
- B. Hà Nội
- C. Hà Tĩnh
- D. Hà Nam

Câu 4: Nguyên nhân sâu xa dẫn đến cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là:

- A. Thi Sách bị giết
- B. Chính sách hà khắc của nhà Hán
- C. Cha của Hai Bà Trưng bị giết
- D. Báo thù cho cha

Câu 5: Bị giặc đuổi đến đường cùng Hai Bà Trưng đã gieo mình xuống dòng sông nào?

- A. Sông Đà
- B. Sông Cửu Long
- C. Sông Hát
- C. Sông Lam

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

BT 1:

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	D	D	B	A	C

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Hãy đóng vai 1 hướng dẫn viên du lịch em hãy giới thiệu về: Lễ hội rước bánh trôi.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 40:

BÀI 16. CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA TIÊU BIỂU GIÀNH ĐỘC LẬP TRƯỚC THẾ KỈ X (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Lập được sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.
- Trình bày được những nét chính, giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng).
- Nêu được kết quả và ý nghĩa lịch sử của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực đặc thù:**

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Yêu nước, tự hào về tinh thần bất khuất, “không chịu cúi đầu” của dân tộc, biết ơn các anh hùng dân tộc - lãnh tụ các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập.
- Kênh hình, lược đồ phóng to, giấy A2/A0 (nếu có thể).
- Video clip về khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa Lý Bí, khởi nghĩa Mai Thúc Loan,...
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1.KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Xem những hình ảnh sau em liên tưởng đến nhân vật lịch sử nào?



B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Cuộc khởi nghĩa Bà Triệu (năm 248).

a. Mục tiêu: HS rút ra nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Gv tổ chức cho HS tìm hiểu kiến theo công thức 5W+1H

? Why: Vì sao cuộc khởi nghĩa bùng nổ?

? Who: Ai là người lãnh đạo khởi nghĩa

? When: Cuộc khởi nghĩa nổ ra khi nào?

? Where: Cuộc khởi nghĩa nổ ra ở đâu?

? What: Cuộc khởi nghĩa có kết quả gì?

? How: Cuộc khởi nghĩa có ý nghĩa như thế nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

2. Cuộc khởi nghĩa Bà Triệu (năm 248).

a. Nguyên nhân

-Do chính sách cai trị hà khắc của nhà Ngô

b. Diễn biến

- Năm 248, khởi nghĩa bùng nổ ở núi Nưa, Thanh Hóa

- Nghĩa quân giành được chính quyền tại nhiều huyện lỵ, khiến cho Giao Châu chấn động

- Nhà Ngô cử 8000 quân sang đàn áp

c. Kết quả

- Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, Bà Triệu hi sinh ở núi Tùng

d. Ý nghĩa

- Làm rung chuyển chính quyền đô hộ, góp phần thức tỉnh ý thức dân tộc, tạo đà cho các cuộc khởi nghĩa sau này

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi “Tây du kí”. Trong khu rừng có rất nhiều yêu quái xuất hiện, để cản đường thầy trò Đường Tăng đi thỉnh kinh, Em hãy giúp thầy trò Đường Tăng bằng cách vượt qua các câu hỏi của yêu quái

Câu 1: Câu 1. “Vung tay đánh cọp xem còn dễ/Đôi diện Bà Vương mới khó sao” là câu nói chỉ vị anh hùng dân tộc nào?

- A. Bà Triệu.
- B. Trưng Nhị.
- C. Trưng Trắc.
- D. Lê Chân.

Câu 2: Câu nào sau đây là ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu?

- A. Thể hiện tinh thần tiếp thu nền văn hóa của nước ngoài.
- B. Thể hiện tinh thần cầu tiến.
- C. Khẳng định ý chí bất khuất của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành lại độc lập dân tộc.
- D. Khẳng định truyền thống đấu tranh kiên cường của dân ta

Câu 3: Bà Triệu khởi nghĩa vào năm nào?

- A. Năm 247.
- B. Năm 248

C. Năm 249

D. Năm 250

Câu 4: Bà Triệu dấy binh khởi nghĩa ở đâu?

A. Núi Ba Vì

B. Núi Phú Sĩ.

C. Núi Bà Đen

D. Núi Nưa

Câu 5: Nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa Bà Triệu?

A. Chính sách cai trị hà khắc của nhà Hán

B. Chính sách cai trị hà khắc của nhà Ngô

C. Chính sách cai trị hà khắc của nhà Đường

D. Báo thù cho anh trai

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	A	C	B	D	B

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Giả sử, em là một người lính trong nghĩa quân của Bà Triệu, em hãy dựa vào nội dung bài học, thiết kế một tấm poster kêu gọi nhân dân hưởng ứng cuộc khởi nghĩa.

Trong poster nêu rõ:

- *Bà Triệu là ai?*
- *Tại sao nhân dân nên tham gia hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu?*
- *Sau khi cuộc khởi nghĩa thành công thì nhân dân sẽ được hưởng quyền lợi gì?*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
 - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.
-

Tiết 41:

BÀI 16. CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA TIÊU BIỂU GIÀNH ĐỘC LẬP TRƯỚC THẾ KỈ X (Tiết 3)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Lập được sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.
- Trình bày được những nét chính, giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng).
- Nêu được kết quả và ý nghĩa lịch sử của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.

2. Về năng lực

*** *Năng lực chung:***

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** *Năng lực đặc thù:***

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Yêu nước, tự hào về tinh thần bất khuất, “không chịu cúi đầu” của dân tộc, biết ơn các anh hùng dân tộc - lãnh tụ các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập.
- Kênh hình, lược đồ phóng to, giấy A2/A0 (nếu có thể).
- Video clip về khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa Lý Bí, khởi nghĩa Mai Thúc Loan,...
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1.KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Lý Nam Đế

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nghe đoạn nhạc và bài thơ sau em hãy cho biết. bài nhạc và đoạn thơ đnag nhắc đến nhân vật lịch sử nào?

*Chân mệnh đế vương có thể thôi
Năm năm ngôi báu, đã thôi rồi
Anh hùng không khởi tuỳ theo số
Nhân kiệt, xem ra cũng chịu Trời
Mở nước Vạn Xuân, mà vận ngắn
Gặp thù muôn kẻ, lại dòng dõi
Bá Tiên lợi thế! Đành thua trận
Tiền Lý chừng như đã hết thời*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

3. Khởi nghĩa Lý Bí và sự thành lập nước Vạn Xuân

a. Mục tiêu: HS rút ra nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS Theo dõi bảng sau và rút ra nhận xét về chính sách cai trị của nhà Lương đối với nước ta. Từ đó, em hãy cho biết, vì sao Lý Bí nổi dậy khởi nghĩa?

Đặc điểm	NHÀ NGÔ	NHÀ LƯƠNG
<i>Đơn vị hành chính</i>	Chia nước ta thành ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam.	Chia nước ta thành 6 châu: Giao Châu, Ái Châu, Đúc Châu, Lợi Châu, Minh Châu, Hoàng Châu.
<i>Hệ thống quan lại</i>	Từ huyện trở lên là người Hán.	Chỉ sử dụng tôn thất của nhà Lương.
<i>Chính sách bóc lột</i>	Đặt ra nhiều thứ thuế.	Hàng trăm thứ thuế vô lý.

? Quan sát đoạn phim, kết hợp SGK trang 74, và tham gia trò chơi nối cột.

1. Đầu năm 542	a. Quân Lương xâm lược nước Vạn Xuân
2. Đầu năm 544	b. Khởi nghĩa bùng nổ
3. Năm 545	c. Lý Bí xưng là Lý Nam Đế lập ra nước Vạn Xuân
4. Năm 602	d. Nhà Tùy đem quân xâm lược

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

GV cho HS xem video về Triệu Quang Phục cuộc chiến tại đầm Dạ Trạch để bổ sung kiến thức cho HS

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm nổi cộm

1-b, 2-c, 3-a, 4-d.

Khai thác nhân vật Triệu Quang Phục bằng hồ sơ lịch sử và bằng tranh



Khai thác nhân vật Lý Bí bằng tranh truyện lịch sử



Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

3. Khởi nghĩa Lý Bí và sự thành lập nước Vạn Xuân

a. Nguyên nhân

- Chính sách cai trị tàn bạo và hà khắc của nhà Lương.
- Lý Bí căm ghét chính quyền đô hộ.

b. Diễn biến

- Năm 542. Khởi nghĩa bùng nổ, lật đổ chính quyền đô hộ, làm chủ Giao Châu.
- Năm 544. Lý Bí tự xưng là Lý Nam Đế, lập nước Vạn Xuân.
- Năm 545. Quân Lương sang xâm lược, Triệu Quang Phục thay Lý Bí tiếp tục lãnh đạo kháng chiến.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giao bài tập cho HS

So sánh điểm giống và khác nhau giữa cuộc khởi nghĩa Lý Bí năm 542 và cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 40

So sánh	Khởi nghĩa Lý Bí	Khởi nghĩa Hai Bà Trưng
Giống nhau		
Khác nhau		

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
 - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).
- Dự kiến sản phẩm

<i>So sánh</i>	<i>Khởi nghĩa Lý Bí</i>	<i>Khởi nghĩa Hai Bà Trưng</i>
<i>Giống nhau</i>	- Cùng nổ ra vào mùa xuân, chống lại chính quyền đô hộ của phong kiến phương Bắc. - Cùng giành được thắng lợi ban đầu và thành lập được chính quyền tự chủ một thời gian.	
<i>Khác nhau</i>	- Xung Đế (Lý Nam Đế)	- Xung Vương (Trưng Vương)
	Xây dựng nhà nước có: Quốc hiệu, kinh đô, chính quyền chia ban văn, ban võ	- Xây dựng chính quyền tự chủ, sơ khai
	Tồn tại trong khoảng hơn 50 năm	- Tồn tại trong 3 năm

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS
- Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
- Sản phẩm:** Bài làm của HS
- Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Hoàn thành bảng sau

Nhà nước	Người thành lập	Thời gian	Người đứng đầu
Vạn Xuân			

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 42:

BÀI 16. CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA TIÊU BIỂU GIÀNH ĐỘC LẬP TRƯỚC THẾ KỈ X (Tiết 4)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Lập được sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.
- Trình bày được những nét chính, giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng).
- Nêu được kết quả và ý nghĩa lịch sử của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực đặc thù:**

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Yêu nước, tự hào về tinh thần bất khuất, “không chịu cúi đầu” của dân tộc, biết ơn các anh hùng dân tộc - lãnh tụ các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập.
- Kênh hình, lược đồ phóng to, giấy A2/A0 (nếu có thể).
- Video clip về khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa Lý Bí, khởi nghĩa Mai Thúc Loan,...
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1.KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Mai thúc Loan và Phùng Hưng

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Những tên gọi sau đây khiến cho em liên tưởng đến nhân vật lịch sử nào?



? Em có biết vì sao những nhân vật này lại được gọi như vậy không?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Mai Thúc Loan

Quê ở Mai Phụ, Hoan Châu (nay là Hà Tĩnh) nhưng sinh ra và lớn lên ở Nam Đàn, Nghệ An. Tương truyền ông mồ côi cha mẹ từ nhỏ, là người mạnh khỏe, giỏi võ, vật, chăm chỉ, có chí lớn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

4. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan

a. Mục tiêu: HS rút ra nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi

? Em hãy theo dõi đoạn phim tư liệu dưới đây và chỉ ra điểm chung về nguyên nhân bùng nổ hai cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan, Phùng Hưng.

? Quan sát lược đồ diễn biến cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan và khởi nghĩa Phùng Hưng, lắng nghe GV tường thuật, sau đó hoàn thành nhiệm vụ



? Hoàn thành vòng tròn 4W1H về diễn biến, kết quả của cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan và khởi nghĩa Phùng Hưng



? Kết quả của cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan như thế nào? Cuộc khởi nghĩa này có ý nghĩa gì đối với lịch sử dân tộc?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

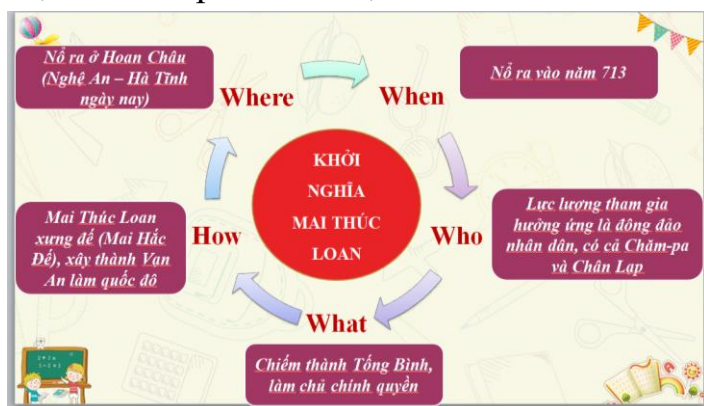
- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

GV cho HS xem video về Triệu Quang Phục cuộc chiến tại đầm Dạ Trạch để bổ sung kiến thức cho HS

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

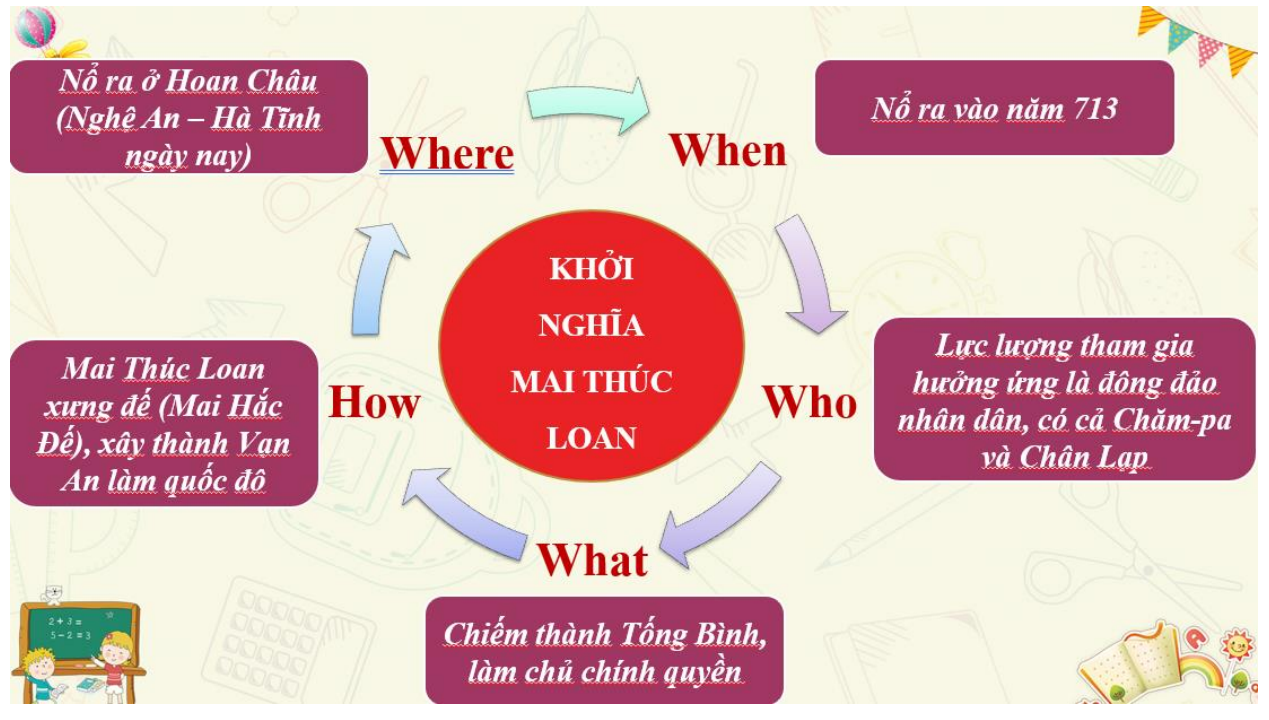
Dự kiến sản phẩm nổi bật



Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

4. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan



HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi: Ong non học việc

Bài 1: Chọn đáp án đúng nhất

Câu 1. Dấu tích của thành Vạn An trong cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan hiện nay nằm ở đâu?

- A. Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- B. Huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
- C. Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
- D. Huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Câu 2. Cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng đã bao vây chiếm thành Tống Bình, tự sắp xếp được việc cai trị trong vòng bao nhiêu lâu?

- A. 9 năm

B. 3 năm

C. 10 năm

D. 60 năm

Câu 3. Tên gọi “Bố cái đại vương” là của ai?

A. Mai Thúc Loan

B. Lý Bí

C. Bà Triệu

D. Phùng Hưng

Bài 2: Hãy xác định các câu sau đây đúng hay sai về nội dung lịch sử?

1. Cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan không chỉ lan rộng ra cả nước mà còn được nhân dân Chăm pa, Chân Lạp hưởng ứng.

2. Hiện nay, ở làng Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội vẫn còn đền thờ người anh hùng Phùng Hưng)

3. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan và Phùng Hưng đều diễn ra vào thế kỉ VIII, chống lại nhà Đường và đều giành được quyền tự chủ trong thời gian rất dài

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Hoàn thiện sơ đồ thời gian bùng nổ, tên cuộc khởi nghĩa và kết quả của các cuộc khởi nghĩa em đã được học.



B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

Dự kiến sản phẩm



B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dẫn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 43:

BÀI 16. CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA TIÊU BIỂU GIÀNH ĐỘC LẬP TRƯỚC THẾ KỈ X (Tiết 5)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Lập được sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.
- Trình bày được những nét chính, giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng).
- Nêu được kết quả và ý nghĩa lịch sử của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.

2. Về năng lực

*** *Năng lực chung:***

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** *Năng lực đặc thù:***

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Yêu nước, tự hào về tinh thần bất khuất, “không chịu cúi đầu” của dân tộc, biết ơn các anh hùng dân tộc - lãnh tụ các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập.
- Kênh hình, lược đồ phóng to, giấy A2/A0 (nếu có thể).
- Video clip về khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa Lý Bí, khởi nghĩa Mai Thúc Loan,...
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1.KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Mai thúc Loan và Phùng Hưng

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Những tên gọi sau đây khiến cho em liên tưởng đến nhân vật lịch sử nào?



? Em có biết vì sao những nhân vật này lại được gọi như vậy không?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Phùng Hưng

Là hào trưởng đất Đường Lâm (Hà Nội), giàu lòng thương dân, hay giúp đỡ người nghèo.

Xuất thân trong một gia đình giàu có, có uy tín lớn đối với nhân dân trong vùng. Ông có sức khỏe phi thường, có thể xô ngã trâu, đánh được hổ.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

4. Khởi nghĩa Phùng Hưng

a.Mục tiêu: HS rút ra nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi

? Em hãy theo dõi đoạn phim tư liệu dưới đây và chỉ ra điểm chung về nguyên nhân bùng nổ hai cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng.

? Quan sát lược đồ diễn biến cuộc và khởi nghĩa Phùng Hưng, lắng nghe GV tường thuật, sau đó hoàn thành nhiệm vụ

? Hoàn thành vòng tròn 4W1H về diễn biến, kết quả của cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan và khởi nghĩa Phùng Hưng



? Kết quả của cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng như thế nào? Hai cuộc khởi nghĩa này có ý nghĩa gì đối với lịch sử dân tộc?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

GV cho HS xem video về Triệu Quang Phục cuộc chiến tại đầm Dạ Trạch để bổ sung kiến thức cho HS

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm nổi bật



Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

4. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan, Khởi nghĩa Phùng Hưng

a. Nguyên nhân

- Do chính sách cai trị tàn bạo, vơ vét của nhà Đường đối với nhân dân ta.
- Không cam chịu điều đó, nhiều thủ lĩnh đã phát động nhân dân nổi dậy khởi nghĩa.

b. Diễn biến

- Năm 542. Khởi nghĩa bùng nổ, Lật đổ chính quyền đô hộ, làm chủ Giao Châu.
- Năm 544. Lý Bí tự xưng là Lý Nam Đế, lập nước Vạn Xuân.
- Năm 545. Quân Lương sang xâm lược, Triệu Quang Phục thay Lý Bí tiếp tục lãnh đạo kháng chiến.
- Năm 602. Nhà Tùy đưa quân sang xâm lược. Nước Vạn Xuân sụp đổ.

c. Ý nghĩa

- Cuộc khởi nghĩa Lý Bí: Chứng tỏ tinh thần độc lập, tự cường của người Việt.
- Góp phần thúc đẩy các cuộc đấu tranh của nhân dân ta.
- Sự ra đời của nhà nước Vạn Xuân: thể hiện ý thức tự chủ và khát vọng độc lập dân tộc.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi: Ong non học việc

Bài 1: Chọn đáp án đúng nhất

Câu 1. Dấu tích của thành Vạn An trong cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan hiện nay nằm ở đâu?

- A. Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- B. Huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
- C. Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

D. Huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Câu 2. Cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng đã bao vây chiếm thành Tống Bình, tự sắp xếp được việc cai trị trong vòng bao nhiêu lâu?

A. 9 năm

B. 3 năm

C. 10 năm

D. 60 năm

Câu 3. Tên gọi “Bố cái đại vương” là của ai?

A. Mai Thúc Loan

B. Lý Bí

C. Bà Triệu

D. Phùng Hưng

Bài 2: Hãy xác định các câu sau đây đúng hay sai về nội dung lịch sử?

1. Cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan không chỉ lan rộng ra cả nước mà còn được nhân dân Chăm pa, Chân Lạp hưởng ứng.

2. Hiện nay, ở làng Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội vẫn còn đền thờ người anh hùng Phùng Hưng)

3. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan và Phùng Hưng đều diễn ra vào thế kỉ VIII, chống lại nhà Đường và đều giành được quyền tự chủ trong thời gian rất dài

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Hoàn thiện sơ đồ thời gian bùng nổ, tên cuộc khởi nghĩa và kết quả của các cuộc khởi nghĩa em đã được học.



B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
 - HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.
- Dự kiến sản phẩm

Tiết 44:

BÀI 17. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DÂN TỘC CỦA NGƯỜI VIỆT (T1)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những biểu hiện trong việc giữ gìn văn hoá của người Việt trong thời kì Bắc thuộc.
- Nhận biết được sự phát triển của văn hoá dân tộc trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc văn hoá Trung Hoa trong thời kì Bắc thuộc.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và phân tích được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc về sức mạnh cội nguồn của nền văn hoá Việt chính là nền tảng để dân tộc Việt Nam trường tồn, phát triển dù đứng trước bất kì khó khăn, thử thách nào.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Hình minh hoạ về cuộc đấu tranh giữ gìn và phát triển văn hoá dân tộc.
- Máy tính, máy chiếu; giấy AO (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Nấu bánh chưng

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Đây là phong tục gì của nước ta?



B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Sau khi chiếm được Âu Lạc, các triều đại phong kiến phương Bắc đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm thủ tiêu văn hóa của người Việt nhưng sau hàng nghìn năm

vẫn không đạt được mục đích. Điều gì đã tạo ra sự kì diệu đó? Trong cuộc đấu tranh sinh tồn, em có biết, người Việt đã làm gì để bảo vệ những giá trị văn hóa truyền thống của mình

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Sức sống của nền văn hoá bản địa

a. Mục tiêu: HS liên hệ và nhận biết được những nét văn hoá của người Việt cổ vẫn được duy trì trong thời Bắc thuộc.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi

? Hãy kể 1 số chính sách đồng hoá nhân dân ta của các triều đại phong kiến phương Bắc

Làm việc cặp đôi

? Em hãy kể các phong tục tập quán, tín ngưỡng của nhân dân ta có từ thời Văn Lang-Âu Lạc?

? Hiện nay thực trạng ngôn ngữ 'tự chế' của giới trẻ. Em suy nghĩ gì về vấn đề này?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

GV cho HS xem video về Triệu Quang Phục cuộc chiến tại đầm Dạ Trạch để bổ sung kiến thức cho HS

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

GV mở rộng

Chúng ta mất nước nhưng không mất tiếng nói, vẫn bảo tồn được những yếu tố văn hoá truyền thống đã định hình từ thời Văn Lang - Âu Lạc. Giữ được tiếng nói của một dân tộc là một nguyên nhân quan trọng khiến Việt Nam là trường hợp hiếm hoi

trong lịch sử thế giới dù mất nước từ rất sớm và kéo dài hơn mười thế kỉ nhưng vẫn giành lại được độc lập.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

1. Sức sống của nền văn hoá bản địa

- Tiếng Việt vẫn được truyền dạy cho con cháu.
- Những tín ngưỡng truyền thống tiếp tục được duy trì

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi: Ô chữ

Bài 1: Chọn đáp án đúng nhất

Câu 1. (7 chữ cái): Truyền thuyết giải thích về một phong tục có nội dung ca ngợi tình nghĩa vợ chồng, tình cảm anh em.

Câu 2. (7 chữ cái): Phong tục được người Việt cổ sử dụng để làm đẹp và tránh bị thủy quái làm hại.

Câu 3. (9 chữ cái): Tín ngưỡng truyền thống của người Việt, để tưởng nhớ về cội nguồn.

Câu 4. (9 chữ cái): Người Việt xem đây là cách làm đẹp và bảo vệ răng.

Câu 5. (7 chữ cái): Nghề rèn đúc kim loại nổi tiếng của người Việt cổ.

Câu 6. (13 chữ cái): Tầng lớp đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc trong thời Bắc thuộc.

Câu 7. (7 chữ cái): Yếu tố này được coi là một tế bào của xã hội.

Câu 8. (8 chữ cái): Tên vị hoàng tử nấu bánh chưng, bánh giầy để thờ cúng tổ tiên.

Câu 9. (6 chữ cái): Một phong tục phổ biến của người Việt cổ, ngày nay thường dùng trong lễ cưới hỏi.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu 1: Trầu cau

Câu 2: Xăm mình

Câu 3: Thờ tổ tiên

Câu 4: Nhuộm răng

Câu 5: Đúc đồng

Câu 6: Hào Trương Việt

Câu 7: Gia Định

Câu 8: Lang Liêu

Câu 9: Ăn trầu

Ô chữ bí mật: Tiếng Việt

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

GV gợi ý HS liệt kê những phong tục có từ thời Bắc thuộc, từ đó liên hệ với hiện tại để chỉ ra được những phong tục còn được bảo tồn đến ngày nay (HS có thể hỏi thêm người thân để xác định được câu trả lời phù hợp). Qua đó, giúp HS nhận thức rõ những giá trị của văn hoá truyền thống lịch sử đối với cuộc sống hiện tại.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

-
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết 45:

BÀI 17. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DÂN TỘC CỦA NGƯỜI VIỆT (Tiết 2)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những biểu hiện trong việc giữ gìn văn hoá của người Việt trong thời kì Bắc thuộc.
- Nhận biết được sự phát triển của văn hoá dân tộc trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc văn hoá Trung Hoa trong thời kì Bắc thuộc.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và phân tích được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc về sức mạnh cội nguồn của nền văn hoá Việt chính là nền tảng để dân tộc Việt Nam trường tồn, phát triển dù đứng trước bất kì khó khăn, thử thách nào.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Hình minh hoạ về cuộc đấu tranh giữ gìn và phát triển văn hoá dân tộc.
- Máy tính, máy chiếu; giấy A0 (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào

tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Nấu bánh chưng

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Hình ảnh và đoạn nhạc sau em hãy cho biết đây là ngày gì ở nước ta?



B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Tiếp thu có chọn lọc văn hóa Trung Hoa.

a. Mục tiêu: Nhận biết được sự phát triển của văn hoá dân tộc trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc văn hoá Trung Hoa trong thời kì Bắc thuộc.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm

?Hãy chỉ ra những bằng chứng trong tư liệu, chứng tỏ người Việt đã tiếp thu những yếu tố kĩ thuật của phương Bắc?

Người Việt học được cách dệt vải cát bá (vải bông), làm đồ đồng vùng Lưỡng Quảng như đỉnh, bình hồ, guom, qua, gương đồng..., kĩ thuật làm gốm phong cách Nam Việt như gốm vẽ in hình học, bình 4-5 thân dính liền nhau và gốm phong cách Hán như đỉnh, bình, vò....., nghề làm giấy của Trung Quốc.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

GV mở rộng :

Khay gốm (Lạch Trường, Thanh Hoá) được làm bằng chất liệu đất sét mịn màu nâu trắng. Sự giao thoa văn hoá Hán - Việt được thể hiện qua hoa văn trang trí trên khay gốm: ở giữa khay gốm được trang trí hình ảnh ba con cá chum đầu vào nhau theo điển tích "Tam ngư châu nguyệt" là chủ đề quen thuộc trong nghệ thuật tạo hình Trung Quốc. Viên ngoài khay được trang trí hoa văn đường tròn tiếp tuyến mang đậm dấu ấn văn hoá Đông Sơn càng tạo cho chiếc khay gốm thêm sinh động



Tiếp thu chữ Hán, một số quy tắc lễ nghĩa cách đặt tên hội giống người Hán.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

2. Tiếp thu có chọn lọc văn hóa Trung Hoa.

- Học một số phát minh kỹ thuật như làm giấy, chế tạo đồ thủy tinh
- Tiếp thu Đạo giáo đón nhận một số dòng Phật giáo rất hiện nhiều vị cao tăng nổi tiếng đã sang kinh đô nhà Đường để giảng kinh cho nhà Đường
- Tiếp thu một số lễ tết như tết Nguyên đán, Trung thu nhưng đã có sự vận dụng phù hợp với văn hóa người Việt
- Tiếp thu chữ Hán, một số quy tắc lễ nghĩa cách đặt tên hội giống người Hán.

Chịu ảnh hưởng của tư tưởng gia trưởng, phụ quyền nhưng vẫn giữ gìn truyền thống tôn trọng người già và phụ nữ

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi: Hái táo

Câu 1: Yếu tố tích cực nào của văn hoá Trung Hoa được truyền bá vào nước ta trong thời Bắc thuộc?

A. Nhuộm răng đen

B. Chữ viết

C. Làm bánh chưng

D. Tôn trọng phụ nữ

Câu 2. Yếu tố kỹ thuật nào của văn hoá Trung Hoa được truyền bá vào nước ta trong thời Bắc thuộc?

A. Làm giấy

B. Làm gốm

C. Làm bánh chưng

D. Đúc đồng

Câu 3: Trung tâm Phật giáo lớn nhất của nước ta thời Bắc thuộc?

A. Mê Linh

B. Cổ Loa

C. Tống Bình

D. Luy Lâu

Câu 4: Biểu hiện nào cho thấy chính sách đồng hoá của phương Bắc đối với nước ta đã thất bại

A. Những cuộc đấu tranh chống lại phong kiến phương Bắc

B. Tiếng Việt. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, phong tục tập quán vẫn được bảo tồn

C. Đứng đầu xã là tù trưởng, hào trưởng người Việt

D. Lễ hội diễn ra thường xuyên

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	B	A	D	B

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Dựa vào thông tin ở cột A, em hãy điền vào cột B tên của các chính sách cai trị trong lĩnh vực chính trị, xã hội, văn hóa của chính quyền phong kiến phương bắc ở nước ta.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau

Tiết 46:

BÀI 18. BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ ĐẦU THẾ KỈ X (Tiết 1)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.
- Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.
- Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

2. Về năng lực

**** Năng lực chung:***

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

**** Năng lực riêng:***

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu đề phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, biết ơn các anh hùng dân tộc đã có công giành lại nền độc lập, tự chủ cho người Việt.

II- THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS.
- Lược đồ vẽ các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến trong thế kỉ X.
- Máy tính, máy chiếu; giấy AO (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào

tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

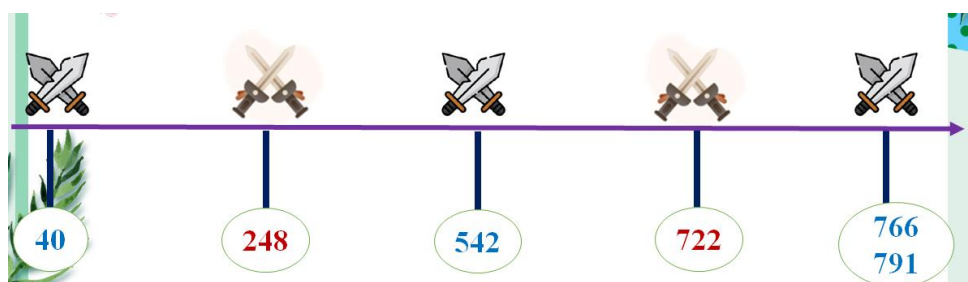
HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Nấu bánh chưng

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Hoàn thành các sự kiện lịch sử mà em đã được học qua sơ đồ sau



B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

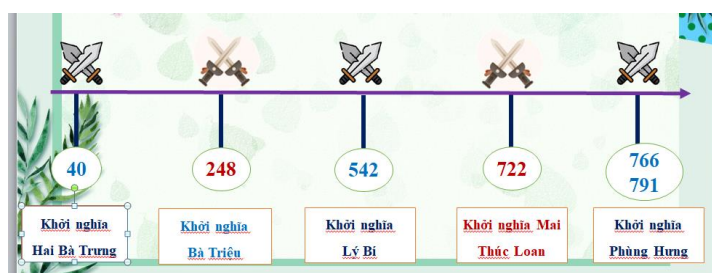
GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

Sản phẩm dự kiến



B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Mùa xuân năm 40 từng vang lên lời thề bất hủ của Hai Bà Trưng: “Một xin rửa sạch nước thù. Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng”. Nhưng trong khoảng gần 900 năm, từ Hai Bà Trưng, Bà Triệu đến Lý Bí, Mai Thúc Loan...đều chưa thực hiện được trọn vẹn lời thề. Cuối cùng ai là người đã hoàn thành trọn vẹn được ước nguyện độc lập thiêng liêng ấy và thực hiện thông qua sự kiện nào?

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Họ Khúc và họ Dương dựng quyền tự chủ

a. Mục tiêu: Những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nhiệm vụ 1: Cuộc nổi dậy của Khúc Thừa Dụ và cải cách của Khúc Hạo

GV yêu cầu HS theo dõi đoạn phim ngắn, kết hợp SGK và điền những từ còn thiếu vào chỗ trống

- Cuối thế kỉ IX, ở Trung Quốc nên khó kiểm soát được tình hình ở An Nam.

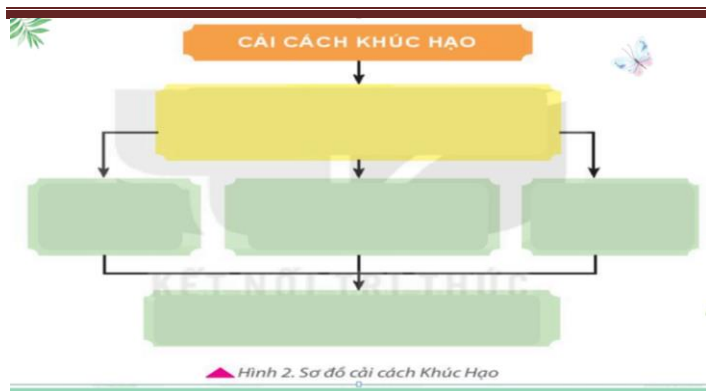
- Viên tiết độ sứ được nhà Đường giao nhiệm vụ cai trị nước ta bị.....

- Giữa năm 905, một hào trưởng địa phương ở Hải Dương là..... đã nổi dậy đánh chiếm thành Đại La.

- Lật đổ chính quyền đô hộ rồi tự xưng là....., xây dựng chính quyền.....của người Việt.

- Từ khóa: suy yếu, Khúc Thừa Dụ, tự chủ, giáng chức, tiết độ sứ

? Em hãy theo dõi đoạn phim ngắn sau, kết hợp SGK hoàn thành nội dung của cải cách của Khúc Hạo?



? Em có nhận xét gì về những nội dung của cuộc cải cách của Khúc Hạo?

? Cải cách của Khúc Hạo có ý nghĩa gì?

Nhiệm vụ 2: Dương Đình Nghệ chống quân Nam Hán, củng cố nền tự chủ

? Quan sát video, lược đồ kết hợp thông tin SGK, trình bày ngắn gọn diễn biến và kết quả cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán của Dương Đình Nghệ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Sản phẩm dự kiến

Nhiệm vụ 1: Cuộc nổi dậy của Khúc Thừa Dụ và cải cách của Khúc Hạo

- Cuối thế kỉ IX, ở Trung Quốc suy yếu nên khó kiểm soát được tình hình ở An Nam.
- Viên tiết độ sứ được nhà Đường giao nhiệm vụ cai trị nước ta bị giáng chức
- Giữa năm 905, một hào trưởng địa phương ở Hải Dương là Khúc Thừa Dụ đã nổi dậy đánh chiếm thành Đại La.
- Lật đổ chính quyền đô hộ rồi tự xưng là tiết độ sứ xây dựng chính quyền tự chủ của người Việt.

GV cho HS khai thác hồ sơ nhân vật lịch sử

- Khúc Thừa Dụ (? - 907), Quê ở Hồng Châu (Ninh Giang, Hải Dương)

Xuất thân là hào trưởng giàu có, tính tình thương người nên được kính phục.

Là người đặt cơ sở cho nền độc lập dân tộc Việt sau gần 1000 năm bị các triều đại Trung Hoa đô hộ.

Nhiệm vụ 2: Dương Đình Nghệ chống quân Nam Hán, củng cố nền tự chủ

GV cho HS khai thác hồ sơ nhân vật lịch sử

Dương Đình Nghệ (874 - 937)

Quê ở làng Giàng (Thiệu Dương, Thiệu Hóa, Thanh Hóa), là một hào trưởng ở Châu Ái

Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Nam Hán lần thứ nhất.

Năm 931 tự xưng là Tiết độ sứ.

? Quan sát video, lược đồ kết hợp thông tin SGK, trình bày ngắn gọn diễn biến và kết quả cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán của Dương Đình Nghệ.

- Mùa thu năm 930, quân Nam Hán sang đánh nước ta, Khúc Thừa Mĩ bị bắt, nhà Nam Hán cử Lý Tiến làm thứ sử Châu Gia, đặt cơ quan đô hộ ở Tống Bình

- Năm 931, Dương Đình Nghệ đem quân từ Thanh Hóa ra Bắc bao vây, đánh chiếm thành Tống Bình

- Quân Nam Hán xin việc binh, Dương Đình Nghệ đã chủ động đón đánh quân tiếp viện, tướng giặc bị giết

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

1. Họ Khúc và họ Dương dựng quyền tự chủ

a. Cuộc nổi dậy của Khúc Thừa Dụ và cải cách của Khúc Hạo

+ Cuộc nổi dậy của Khúc Thừa Dụ

+ Cuối thế kỉ IX, nhà Đường suy yếu.

+ Khúc Thừa Dụ đánh chiếm Thành Đại La, tự xưng là Tiết độ sứ.

+ Xây dựng chính quyền tự chủ của người Việt.

- Cải cách của Khúc Hạo

+ Năm 907, Khúc Hạo lên thay cha và tiến hành nhiều cải cách tiến bộ.

+ Ý nghĩa cuộc cải cách: Xây dựng chính quyền tự chủ, độc lập với phong kiến phương Bắc. củng cố sức mạnh của chính quyền mới.

b. Dương Đình Nghệ chống quân Nam Hán, củng cố nền tự chủ

- Diễn biến

+ Năm 930, Quân Hán đánh sang nước ta, lập quyền cai trị.

+ Năm 931, Dương Đình Nghệ từ Làng Giàng (Thanh Hóa) đem quân tấn công thành Đại La.

+ Quân Nam Hán cử quân tiếp viện nhưng bị đánh bại.

Kết quả: Dương Đình Nghệ tự xưng là Tiết độ sứ, khôi phục nền tự chủ.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi Vòng quay may mắn.

Câu 1: Khúc Thừa Dụ xây dựng chính quyền tự chủ trong hoàn cảnh nào?

- A. Nhà Đường suy yếu không kiểm soát được các vùng xa.
- B. Khúc Thừa Dụ được vua Đường tin tưởng giao cho làm Tiết độ sứ.
- C. Khi nhà Đường chuẩn bị xâm lược nước ta.
- D. Tiết độ sứ An Nam Độc Cô Tôn bị giết

Câu 2: Việc giành lại và xây dựng chính quyền tự chủ tự chủ của họ Khúc, họ Dương có ý nghĩa gì?

- A. Kể từ đây đất nước được hoàn toàn độc lập, nhân dân có đời sống ấm no, hạnh phúc.
- B. Là cơ sở ban đầu để nhân dân ta tiến lên giành độc lập dân tộc hoàn toàn.
- C. Mang lại quyền lực tối cao cho họ Khúc và họ Dương.
- D. Đất nước thoát khỏi ách đô hộ của nhà Đường

Câu 3: Kết quả của cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán lần nhất như thế nào?

- A. Ta thắng
- B. Ta thua

Câu 4: Sau khi lên thay cha, Khúc Hạo đã quyết định xây dựng đất nước tự chủ theo đường lối

- A. chính sự cốt chuộng cứng rắn, nhân dân đều tuân theo mà đất nước được yên ổn
- B. thi hành luật pháp nghiêm ngặt.
- C. chính sự cốt chuộng khoan dung, giản dị nhân dân đều được yên vui.
- D. làm theo chính sách trước kia của Khúc Thừa Dụ.

Câu 5: Những cải cách của Khúc Hạo nhằm mục đích gì?

- A. Xây dựng nhà nước tập quyền, mọi quyền lực trong tay vua.

B. Thể hiện sức mạnh của họ Khúc

C. Chuẩn bị để chống lại sự xâm lược của phong kiến phương Bắc.

D. Xây dựng chính quyền tự chủ, độc lập với phong kiến phương Bắc.

Câu 6: Nội dung nào sau đây KHÔNG thể hiện đúng về cuộc cải cách của Khúc Hạo?

A. Định lại mức thuế cho công bằng

B. Bãi bỏ chức Tiết độ sứ

C. Tha bỏ lực dịch cho dân bớt khổ

D. Lập sổ hộ khẩu.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	A	C	D	B

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập : Viết về một nhân vật lịch sử tiêu biểu trong thế kỉ thứ X: HS được tùy chọn nhân vật nhưng cần nêu được: quê hương, tiểu sử, thành tựu tiêu biểu của cá nhân, đóng góp của nhân vật đó,...

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

-
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau

Tiết 47:

BÀI 18. BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ ĐẦU THẾ KỈ X (Tiết 2)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.
- Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.
- Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

***Năng lực riêng:**

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, biết ơn các anh hùng dân tộc đã có công giành lại nền độc lập, tự chủ cho người Việt.

II-THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS.
- Lược đồ vẽ các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến trong thế kỉ X.
- Máy tính, máy chiếu; giấy AO (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Ngô Quyền

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nghe đoạn nhạc và sự hiểu biết của mình giải câu đó sau

“Đó ai trên Bạch Đằng giang

Làm cho cọc nhọn dọc ngang sáng ngời

Phá quân Nam Hán toi bời

Guơm thán độc lập giữa trời vang lên?”

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938

a. Mục tiêu: Những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức cách đánh giặc của Ngô Quyền.

- Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nhiệm vụ 1: Kế hoạch đánh giặc.

? Trình bày sự hiểu biết của em về Ngô Quyền

? Tại sao quân Nam Hán lại lựa chọn cửa biển Bạch Đằng là đường tấn công vào nước ta?

Thảo luận cặp đôi

? Nếu em là Ngô Quyền em sẽ đối phó với quân Nam Hán như thế nào?

Chúng ta sẽ chặn đánh giặc bằng cách nào khi chúng tiến vào nước ta?

Làm thế nào để đóng được cọc xuống lòng sông mà vẫn giữ được độ nhọn của cọc?

Làm thế nào để Ngô Quyền cho quân lính đóng một số lượng cọc lớn như vậy trên sông mà quân Nam Hán không biết?

Trong trường hợp kế hoạch tác chiến bị bại lộ, nếu là Ngô Quyền, sẽ xử lý thế nào?

Nhiệm vụ 2. Trừ ngoại xâm dậy sóng Bạch Đằng

? Em hãy theo dõi đoạn phim ngắn sau: cho biết nét độc đáo trong cách tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền thể hiện ở những điểm nào?

? Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 có ý nghĩa như thế nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Sản phẩm dự kiến

Nhiệm vụ 1: Kế hoạch đánh giặc.

GV cho HS khai thác hồ sơ nhân vật lịch sử

Ngô Quyền là người Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội), cha là Ngô Mân, làm châu mục Đường Lâm. Ông là người có sức khỏe, chí lớn, mưu cao, có nhiều công lao được Dương Đình Nghệ tin tưởng và gả con gái cho.

Năm 938, Ngô Quyền lãnh đạo nhân dân ta giành thắng lợi vang dội trên sông Bạch Đằng. Với thắng lợi này đã đặt dấu chấm hết cho mọi âm mưu xâm lược của quân Nam Hán, đồng thời cũng kết thúc thời kì Bắc thuộc của Việt Nam

Mùa xuân năm 939, ông xưng là Ngô vương, đóng đô ở Cổ Loa (thuộc Hà Nội ngày nay). Năm 944, Ngô Vương qua đời, hưởng dương 47 tuổi.

Nhiệm vụ 2. Trừ ngoại xâm dậy sóng Bạch Đằng

Nếu em là Ngô Quyền em sẽ đối phó với quân Nam Hán như thế nào?

Đóng cọc ở cửa sông sau đó dụ địch vào trận địa

Cọc trên sông bạch đằng là cọc gỗ lim, tiết diện khoảng 30-40cm, chiều dài không rõ lắm nhưng mỗi cọc là 1 thân cây gỗ lim

Có thể Ngô Quyền cho đóng cọc vào ban đêm, lúc quân địch không đề phòng nhất

Có thể xử lý bằng cách tổ chức thêm lực lượng bao vây xung quanh khu vực cửa sông, đánh cảm tử, cầm chân quân địch đợi đến khi thủy triều rút, hoặc lựa chọn rút quân cổ thủ nếu địch quá mạnh

Nhân vật Hoàng Tháo

Hoàng Tháo là một đứa trẻ mồ côi, đem quân từ xa đến, quân lính còn mỏi mệt, lại nghe Công Tiễn đã chết, không có người làm nội ứng, đã mất vía trước rồi. Quân ta lấy sức khỏe địch với quân mỏi mệt, tất phá được. Nhưng bọn chúng có lợi ở chiến

thuyền, ta không phòng bị trước thì thế thua được không biết sẽ ra sao. Nếu sai người đem cọc lớn vạt nhọn đầu, bịt sắt, đóng ngầm trước ở cửa biển, thuyền của bọn chúng theo nước triều lên vào trong hàng cọc thì sau đó ta dễ bề chế ngự, không có chiếc nào ra thoát”.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

2. Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938

a. Kế hoạch đánh giặc.

- Năm 938, quân Nam Hán do Hoằng Tháo làm chủ tướng đem quân vượt biển tiến vào xâm lược nước ta

Ngô Quyền gấp rút chuẩn bị kế hoạch chống giặc:

- + Lựa chọn trận địa đánh giặc ở sông Bạch Đằng
- + Sai người đem cọc lớn, vạt nhọn, đầu bịt sắt đóng ngầm ở trước cửa biển
- + Lợi dụng nước triều lên xuống để dụ đối phương vào trận địa cọc.

→ Kế hoạch độc đáo, khiến giặc bị động, bất ngờ.

b. Trừ ngoại xâm dậy sóng Bạch Đằng

- Khi nước triều lên, Ngô Quyền cho lính ra khiêu chiến, giả thua để dụ địch vào trận địa cọc.

- Hoằng Tháo cho quân đuổi theo.

- Khi nước triều rút, cọc nhô lên, Ngô Quyền hạ lệnh tổng tấn công.

- Quân Nam Hán lọt vào trận địa cọc, bị đánh tan tác.

→ Cách đánh giặc độc đáo, chủ động, tận dụng lợi thế từ tự nhiên để tổ chức phục kích giặc.

- Kết quả:

+ Hoằng Tháo tử trận.

+ Quân Nam Hán đại bại, phải rút quân về nước.

- Ý nghĩa:

+ Đánh bại hoàn toàn ý chí xâm lược của nhà Nam Hán

+ Thể hiện ý chí quyết tâm đấu tranh chống xâm lược của dân tộc ta

+ Chấm dứt vĩnh viễn thời kì Bắc thuộc và mở ra kỉ nguyên độc lập, tự chủ lâu dài

cho dân tộc.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giao bài tập cho HS

Bài tập: Em hãy hoàn thành bảng sau những nội dung phù hợp về các vị anh hùng dân tộc

Anh hùng dân tộc	Khúc Thừa Dụ	Dương Đình Nghệ	Ngô Quyền
Xuất thân từ thành phần nào			
Mốc thời gian liên quan đến nhân vật cần nhớ			
Công lao có gì đặc biệt			
Hiện có đền thờ ở đâu			

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập : *Hoàn thành thẻ nhớ nhân vật lịch sử*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau

Tiết 48:

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU KIỂM TRA

Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời.

1. Kiến thức

- Kiểm tra, đánh giá mức độ nắm vững kiến thức, kỹ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức, thông hiểu và vận dụng sau khi học.

- Trình bày được kiến thức về:

+ Môn Lịch sử:

+ Môn Địa lí:

2. Năng lực

- Rèn luyện kỹ năng trả lời câu hỏi, kỹ năng làm bài, trình bày những kiến thức có liên quan.

3. Thái độ

- Nghiêm túc trong kiểm tra.

- Cần thận khi phân tích câu hỏi, lựa chọn kiến thức có liên quan để trả lời câu hỏi.

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

Hình thức kiểm tra: 40% trắc nghiệm; 60% tự luận

UBND QUẬN HOÀNG MAI
TRƯỜNG THCS HOÀNG MAI

ĐỀ CHÍNH THỨC

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2022 – 2023**

MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ- LỚP 6

Ngày kiểm tra: 24 tháng 04 năm 2023

Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

ĐỀ 601

(Đề gồm 2 trang, học sinh làm bài vào phiếu trả lời)

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ (5.0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Câu 1. Kế hoạch chặn đánh giặc Nam Hán của Ngô Quyền có nét gì nổi bật?

- A. Mở trận đánh quyết định đánh bại quân địch, rồi giảng hòa, mở đường cho chúng rút về nước.
- B. Bố trí trận địa mai phục ở tất cả các đoạn đường chúng có thể đi qua để đánh bại kẻ thù.
- C. Dùng kế đóng cọc trên khúc sông hiểm yếu, nhử địch vào trận địa bãi cọc rồi đánh bại chúng.
- D. Dùng kế mai phục hai bên bờ sông sau đó tấn công trực diện vào các con thuyền lớn.

Câu 2. Vương quốc Chăm – pa được hình thành ở địa bàn nào?

- A. Các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên nước ta.
- B. Vùng ven biển miền Trung nước ta, từ phía Nam dãy Hoàng Sơn đến tỉnh Bình Định ngày nay.
- C. Các tỉnh miền Trung nước ta từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi.
- D. Dải đất ven biển miền Trung nước ta.

Câu 3. Điểm nổi bật về tình hình văn hóa nước ta thời kì Bắc thuộc là gì?

- A. Bảo tồn phong tục, tập quán truyền thống của dân tộc.
- B. Nhân dân ta tiếp thu văn hóa Trung Hoa một cách triệt để.
- C. Văn hóa Trung Hoa không ảnh hưởng nhiều đến văn hóa nước ta.

D. Tiếp thu văn hóa Trung Hoa để phát triển văn hóa dân tộc.

Câu 4. Yếu tố kỹ thuật nào của Trung Quốc được truyền vào nước ta thời kì Bắc thuộc?

A. Làm giấy. B. Đúc trống đồng. C. Sản xuất muối. D. Làm gốm.

Câu 5. Vương quốc Phù Nam được hình thành trên cơ sở của nền văn hóa nào?

A. Văn hóa Phù Nam. B. Văn hóa Sa Huỳnh.
C. Văn hóa Óc Eo. D. Văn hóa tiền Óc Eo.

Câu 6. Nhân vật nào được đánh giá là nhà cải cách đầu tiên trong lịch sử Việt Nam?

A. Khúc Thừa Dụ. B. Ngô Quyền. C. Dương Đình Nghệ. D. Khúc Hạo.

Câu 7. Ngô Quyền đã chủ động lên kế hoạch chống quân Nam Hán ở đâu?

A. Thành Đại La. B. Cửa sông Tô Lịch.
C. Cửa biển Bạch Đằng. D. Vùng đầm Dạ Trạch.

Câu 8. Về tôn giáo, tín ngưỡng, Phù Nam và Chăm-pa có điểm nào giống nhau?

A. Chỉ phát triển tín ngưỡng bản địa.
B. Tiếp nhận các tôn giáo từ Ấn Độ như Phật giáo và Ấn Độ giáo.
C. Đều thờ thần Mặt Trăng.
D. Không tiếp thu tôn giáo bên ngoài.

II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Trình bày các thành tựu văn hóa tiêu biểu của cư dân Chăm-pa.

Câu 2 (1 điểm). Bằng kiến thức lịch sử đã học, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 7 câu) giới thiệu về nhân vật Khúc Thừa Dụ.

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (5.0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Câu 1. Sức hút của Mặt Trời và Mặt Trăng là nguyên nhân chủ yếu hình thành hiện tượng tự nhiên nào sau đây?

- A. Dòng biển.
- B. Sóng ngầm.
- C. Sóng biển.
- D. Thủy triều.

Câu 2. Các thành phần chính của đất là gì?

- A. Cơ giới, không khí, hạt khoáng và mùn.
- B. Chất hữu cơ, nước, không khí và sinh vật.
- C. Nước, không khí, chất hữu cơ và độ phì.
- D. Không khí, nước, chất hữu cơ và hạt khoáng.

Câu 3. Đới nóng nằm trong khoảng phạm vi nào?

- A. Từ chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam
- B. Từ hai đường chí tuyến đến hai vòng cực
- C. Từ hai vòng cực đến hai cực
- D. Từ hai đường chí tuyến đến hai cực

Câu 4. Nước mặn chiếm khoảng bao nhiêu % lượng nước trên Trái Đất?

- A. 2,5%.
- B. 30,1%
- C. 68,7%.
- D. 97,5%.

Câu 5. Đi từ xích đạo về hai cực, các đới thiên nhiên phân bố theo thứ tự như thế nào?

- A. Đới lạnh, đới nóng, đới ôn hòa.
- B. Đới nóng, đới ôn hòa, đới nóng, đới lạnh.
- C. Đới nóng, đới ôn hòa, đới lạnh.
- D. Đới nóng, đới lạnh, đới nóng, đới ôn hòa.

Câu 6. Nhóm đất nào chiếm diện tích lớn nhất ở vùng nhiệt đới?

- A. Đất pôdtôn.
- B. Đất đỏ vàng.
- C. Đất phù sa.
- D. Đất đen thảo nguyên.

Câu 7. Nguồn gốc sinh ra thành phần hữu cơ trong đất là thành phần nào?

- A. Đá mẹ.
- B. Địa hình.
- C. Sinh vật.
- D. Khí hậu.

Câu 8. Thảm thực vật chủ yếu ở đới lạnh là gì?

- A. Rừng nhiệt đới.
- B. Rừng lá kim.
- C. Thảo nguyên.
- D. Rêu và địa y.

II. TỰ LUẬN (3.0 Điểm)

Câu 1(1,5 điểm). Phân biệt các dạng vận động của nước biển và đại dương trên Trái Đất?

Câu 2 (1,0 điểm). Trình bày sự khác nhau về động vật ở đới nóng và đới lạnh.

Câu 3 (0,5 điểm). Ở Việt Nam, kiểu rừng nhiệt đới nào chiếm ưu thế? Nêu một vài hiểu biết của em về kiểu rừng đó.

-----Hết-----

ĐỀ 602

(Đề gồm 2 trang, học sinh làm bài vào phiếu trả lời)

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ (5.0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Câu 1. Về tôn giáo, tín ngưỡng, Phù Nam và Chăm-pa có điểm nào giống nhau?

- A. Chỉ phát triển tín ngưỡng bản địa.
- B. Tiếp nhận các tôn giáo từ Ấn Độ như Phật giáo và Ấn Độ giáo.
- C. Không tiếp thu tôn giáo bên ngoài.
- D. Đầu thờ thần Mặt Trăng.

Câu 2. Nhân vật nào được đánh giá là nhà cải cách đầu tiên trong lịch sử Việt Nam?

- A. Khúc Hạo.
- B. Ngô Quyền.
- C. Khúc Thừa Dụ.
- D. Dương Đình Nghệ.

Câu 3. Vương quốc Chăm – pa được hình thành ở địa bàn nào?

- A. Các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên nước ta.
- B. Dải đất ven biển miền Trung nước ta.
- C. Vùng ven biển miền Trung nước ta, từ phía Nam dãy Hoành Sơn đến tỉnh Bình Định ngày nay.
- D. Các tỉnh miền Trung nước ta từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi.

Câu 4. Ngô Quyền đã chủ động lên kế hoạch chống quân Nam Hán ở đâu?

- A. Cửa sông Tô Lịch.
- B. Vùng đầm Dạ Trạch.
- C. Cửa biển Bạch Đằng.
- D. Thành Đại La.

Câu 5. Điểm nổi bật về tình hình văn hóa nước ta thời kì Bắc thuộc là gì?

- A. Tiếp thu văn hóa Trung Hoa để phát triển văn hóa dân tộc.
- B. Nhân dân ta tiếp thu văn hóa Trung Hoa một cách triệt để.
- C. Bảo tồn phong tục, tập quán truyền thống của dân tộc.
- D. Văn hóa Trung Hoa không ảnh hưởng nhiều đến văn hóa nước ta.

Câu 6. Vương quốc Phù Nam được hình thành trên cơ sở của nền văn hóa nào?

- A. Văn hóa Sa Huỳnh.
- B. Văn hóa Óc Eo.
- C. Văn hóa tiền Óc Eo.
- D. Văn hóa Phù Nam.

Câu 7. Kế hoạch chặn đánh giặc Nam Hán của Ngô Quyền có nét gì nổi bật?

- A. Dùng kế đóng cọc trên khúc sông hiểm yếu, nhử địch vào trận địa bẫy cọc rồi đánh bại chúng.
- B. Bố trí trận địa mai phục ở tất cả các đoạn đường chúng có thể đi qua để đánh bại kẻ thù.
- C. Dùng kế mai phục hai bên bờ sông sau đó tấn công trực diện vào các con thuyền lớn.
- D. Mở trận đánh quyết định đánh bại quân địch, rồi giảng hòa, mở đường cho chúng rút về nước.

Câu 8. Yếu tố kĩ thuật nào của Trung Quốc được truyền vào nước ta thời kì Bắc thuộc?

- A. Sản xuất muối.
- B. Đúc trống đồng.
- C. Làm gốm.
- D. Làm giấy.

II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Trình bày các thành tựu văn hóa tiêu biểu của cư dân Phù Nam.

Câu 2 (1 điểm). Bằng kiến thức lịch sử đã học, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 7 câu) giới thiệu về nhân vật Dương Đình Nghệ.

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (5.0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Câu 1. Đới nóng nằm trong khoảng phạm vi nào?

- A. Từ chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam.
- B. Từ hai đường chí tuyến đến hai vòng cực.
- C. Từ hai vòng cực đến hai cực.
- D. Từ hai đường chí tuyến đến hai cực.

Câu 2. Thảm thực vật chủ yếu ở đới lạnh là gì?

- A. Rừng nhiệt đới.
- B. Rừng lá kim.
- C. Thảo nguyên.
- D. Rêu và địa y.

Câu 3. Nhóm đất nào chiếm diện tích lớn nhất ở vùng nhiệt đới?

- A. Đất pốt đôn.
- B. Đất đỏ vàng.
- C. Đất phù sa.
- D. Đất đen thảo nguyên.

Câu 4. Nước mặn chiếm khoảng bao nhiêu % lượng nước trên Trái Đất?

- A. 2,5%.
- B. 30,1%.
- C. 68,7%.
- D. 97,5%.

Câu 5. Đi từ xích đạo về hai cực, các đới thiên nhiên phân bố theo thứ tự như thế nào?

- A. Đới lạnh, đới nóng, đới ôn hòa.
- B. Đới nóng, đới ôn hòa, đới nóng, đới lạnh.
- C. Đới nóng, đới ôn hòa, đới lạnh.
- D. Đới nóng, đới lạnh, đới nóng, đới ôn hòa.

Câu 6. Sức hút của Mặt Trời và Mặt Trăng là nguyên nhân chủ yếu hình thành hiện tượng tự nhiên nào sau đây?

- A. Thủy triều.
- B. Sóng ngầm.
- C. Sóng biển.
- D. Dòng biển.

Câu 7. Các thành phần chính của đất là gì?

- A. Không khí, nước, chất hữu cơ và hạt khoáng.
- B. Chất hữu cơ, nước, không khí và sinh vật.
- C. Nước, không khí, chất hữu cơ và độ phì.
- D. Cơ giới, không khí, hạt khoáng và mùn.

Câu 8. Nguồn gốc sinh ra thành phần hữu cơ trong đất là thành phần nào?

- A. Địa hình.
- B. Sinh vật.
- C. Đá mẹ.
- D. Khí hậu.

II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm). Nêu các nhân tố hình thành đất. Trong các nhân tố đó, nhân tố nào là quan trọng nhất? Vì sao nhân tố đó lại quan trọng nhất?

Câu 2 (1,0 điểm). Trình bày đặc điểm chính của rừng nhiệt đới.

Câu 3 (0,5 điểm). Chứng minh sự phân hóa đa dạng của thảm thực vật giữa các đới khí hậu trên lục địa.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề 601

A. Phân môn Lịch sử

Mỗi đáp án đúng 0,25 điểm.

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	D	A	C	D	C	B

II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG		ĐIỂM
1 (2 điểm)	Trình bày các thành tựu văn hóa tiêu biểu của cư dân Phù Nam.		2 đ
	Lĩnh vực	Thành tựu	0.5
	Chữ viết	Dùng chữ Phạn để ghi chép, từ thế kỉ IV người Chăm đã cải biên chữ viết của người Ấn Độ để thành chữ viết của người Chăm Cổ	
	Tín ngưỡng Tôn giáo	Người Chăm Pa theo nhiều tín ngưỡng (thờ thần mặt trời, thần núi, thần nước, thần lúa....) Theo đạo Bà La Môn và đạo Phật.	0.5
	Kiến trúc, điều khắc	Có nhiều công trình kiến trúc, điêu khắc đặc sắc, độc đáo như tháp Chăm, đền, tượng, thánh địa Mỹ Sơn...	0.5
	Lễ hội	tiêu biểu nhất là Ka-tê.	0.5
2 (1 điểm)	Bằng kiến thức lịch sử đã học, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 7 câu) giới thiệu về nhân vật Khúc Thừa Dụ.		1 đ
	- Nêu được tiểu sử nhân vật. - Nêu được công lao nhân vật. - Điều học hỏi được từ nhân vật.		0.25 0.25 0.5

Phân môn Địa lí

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Mỗi đáp án đúng 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	D	A	D	C	B	C	D

II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1,5 điểm)	Phân biệt các dạng vận động của nước biển và đại dương trên Trái đất?	
	- Sóng là hình thức dao động của nước biển theo chiều thẳng đứng, tạo thành đợt xô vào bờ. Nguyên nhân: do gió.	0,5
	- Thủy triều là hiện tượng nước biển dâng cao và hạ thấp theo quy luật hàng ngày. Nguyên nhân: do lực hút của Mặt Trăng và Mặt Trời cùng với lực li tâm của Trái Đất.	0,5
	- Dòng biển là các dòng nước chảy trong biển và đại dương. Nguyên nhân: do tác động của các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.	0,5
Câu 2 (1,0 điểm)	Sự khác nhau về động vật ở đới nóng và đới lạnh.	
	- Đới nóng: động vật phong phú đa dạng có nhiều loài leo trèo giỏi, nhiều côn trùng, chim thú; các loài ăn cỏ, ăn thịt...(khỉ, ong, ngựa vằn...)	0,5
	- Đới lạnh: động vật ít, có 1 số loài đặc trưng như các loài ngừ đông hay di cư theo mùa...(gấu trắng, ngỗng trời, chim cánh cụt...)	0,5
Câu 3 (0,5 điểm)	Ở Việt Nam, kiểu rừng nhiệt đới nào chiếm ưu thế? Nêu một vài hiểu biết của em về kiểu rừng đó.	
	- Ở Việt Nam, kiểu rừng nhiệt đới gió mùa chiếm ưu thế.	0,25
	- Học sinh nêu 2 hiểu biết về rừng nhiệt đới gió mùa là cho tối đa điểm: + Thành phần loài: 330 loài cây, tầng giữa 2460 loài và tầng dưới là 320 loài. + Có nhiều hệ sinh thái khác nhau: Rừng rậm xanh quanh năm, đồng cỏ cao nhiệt đới, rừng ngập mặn. + Phân bố đa dạng ở nhiều kiểu địa hình, môi trường khác nhau.	0,25

ĐỀ 602

A. Phân môn Lịch sử

Mỗi đáp án đúng 0,25 điểm.

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	C	C	A	B	A	D

II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	Trình bày các thành tựu văn hóa tiêu biểu của cư dân Chăm-pa.	2 đ

(2 điểm)	Lĩnh vực	Thành tựu văn hóa tiêu biểu	0.5
	Tôn giáo	Tiếp thu Hin-đu giáo và Phật giáo từ Ấn Độ	
	Điêu khắc	Tạc tượng, chạm nổi trên gỗ, đá, đất nung	0.5
	Chữ viết	Sử dụng chữ Phạn	
	Đời sống vật chất	Sử dụng ghe, thuyền để đi lại. Ở nhà sàn, làm nhà trên kênh rạch, xây thành thị ở các vùng đất nổi	0.5
	Đời sống tinh thần	Nghệ thuật làm đồ trang sức rất tinh xảo	0.5
2 (1 điểm)	Bằng kiến thức lịch sử đã học, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 7 câu) giới thiệu về nhân vật Dương Đình Nghệ.		1 đ
	- Nêu được tiêu sử nhân vật.		0.25
	- Nêu được công lao nhân vật.		0.25
	- Điều học hỏi được từ nhân vật.		0.5

Phân môn Địa lí

I. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Mỗi đáp án đúng 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	B	C	A	C	D	A	B

II. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1,5 điểm)	* Nêu các nhân tố hình thành đất. Nhân tố nào là quan trọng nhất?	
	- Các nhân tố hình thành đất: đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình, thời gian.	0,5
	- Đá mẹ là nhân tố quan trọng nhất trong việc hình thành đất.	0,5
	* Vì sao nhân tố đó lại quan trọng nhất?	
	- Đá mẹ là nguồn gốc sinh ra thành phần khoáng trong đất.	0,25
	- Đất hình thành trên các loại đá mẹ khác nhau sẽ có tính chất và màu sắc khác nhau.	0,25
Câu 2 (1 điểm)	Đặc điểm của rừng nhiệt đới:	
	- Phân bố: Từ vùng Xích đạo đến vành đai nhiệt đới ở 2 bán cầu.	0,25
	- Nhiệt độ trung bình năm trên 21 ⁰ C, lượng mưa trên 1700mm.	0,25
	- Rừng gồm nhiều tầng, 3 - 5 tầng. Rừng có nhiều loại cây thân gỗ, dây leo, tầm gửi, địa y bám trên thân cây.	0,25
	- Động vật phong phú, nhiều loại sống trên cây, nhiều loại chim ăn quả,...	0,25

Tiết 49:

BÀI 19. VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA TỪ THẾ KÌ II ĐẾN THẾ KỈ X

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Xác định được vị trí của Vương quốc Chăm-pa trên lược đồ Việt Nam.
- Mô tả được sự thành lập, quá trình ra đời và phát triển của Vương quốc Chăm-pa.
- Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Chăm-pa.
- Nhận biết được một số thành tựu tiêu biểu của Vương quốc Chăm-pa trong lịch sử.

2. Về năng lực

**** Năng lực chung:***

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

**** Năng lực riêng:***

- Biết khai thác và phân tích được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm Idem, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng tinh thần quý trọng, có ý thức bảo vệ đối với những thành tựu và di sản văn hoá của Chăm-pa để lại trong lịch sử.

II-THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, phiếu học tập.
- Lược đồ Vương quốc Chăm-pa (phóng to).
- Một số video về thành tựu văn hoá Chăm-pa.
- Máy tính, máy chiếu, giấy AO (nếu có).

2. Học sinh

- SGK.
- đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Đây là đài thờ Trà Kiệu, một kiệt tác điêu khắc Chăm Pa (thế kỉ IX).

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi:

? Hình ảnh này gợi cho em suy nghĩ gì về trình độ kĩ thuật cũng như đời sống văn hóa của cư dân Chăm Pa xưa?



Hình 1. Đài thờ Trà Kiệu (Quảng Nam)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Cách nay hơn 2000 năm, vào thời đại đồ sắt, những cư dân sinh sống trên dải đất miền Trung Việt Nam ngày nay là chủ nhân của nền văn hóa Sa Huỳnh. Thế kỉ II TCN, nhà Hán chiếm nước ta, lập quận Nhật Nam (vùng đất từ phía nam đèo Hoành Sơn đến Bình Định ngày nay). Không chịu khuất phục, dân Nhật Nam đã đứng lên lật đổ ách đô hộ của nhà Nam Hán, lập nhà nước độc lập. Lịch sử vương quốc cổ Chăm Pa bắt đầu.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Quá trình hình thành và bước đầu phát triển của Vương quốc Chăm-pa

a. Mục tiêu: Xác định được vị trí của Vương quốc Chăm-pa trên lược đồ Việt Nam.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Vương quốc Chăm – pa ra đời

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Em hãy nêu quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Chăm Pa

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.
- GV gợi ý HS đọc thêm nội dung mục *Em có biết* giúp HS hiểu được cội nguồn bản địa của cư dân Chăm-pa cổ trên dải đất miền Trung Việt Nam (người Sa Huỳnh với nền văn hoá Sa Huỳnh thuộc thời đại đồ sắt).
- Để làm rõ sự ra đời của Vương quốc Chăm-pa, GV có thể cho HS thảo luận và trả lời những câu hỏi gợi ý sau: *Tượng Lâm là tên địa danh nằm ở đâu? Vì sao nhân dân Tượng Lâm nổi dậy khởi nghĩa?*

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- HS biết được Tượng Lâm là huyện xa nhất thuộc quận Nhật Nam (ngày nay là các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định). HS biết liên hệ với kiến thức đã học ở bài 16. *Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X*: Chính sách đô hộ và vơ vét tàn bạo cũng như tham vọng bành trướng lãnh thổ về phía nam của các triều đại phong kiến phương Bắc đã làm bùng nên ngọn lửa đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta ở khắp các miền với nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra liên tục. Trong đó, cuộc nổi dậy của nhân dân Tượng Lâm dưới sự lãnh đạo của Khu Liên, đã lật đổ ách thống trị của nhà Hán, lập nên nước Lâm Ấp - tên gọi ban đầu của Nhà nước Chăm-pa).

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 2: Chặng đường hơn 8 thế kỉ đầu tiên

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV hướng dẫn HS quan sát *hình 2. Lược đồ Vương quốc Chăm-pa* và khai thác thông tin trong mục b

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- Yêu cầu HS kết hợp chỉ trên lược đồ giới hạn lãnh thổ của Vương quốc Chăm-pa và xác định các giai đoạn phát triển của vương quốc này từ thế kỉ II đến thế kỉ X (đã tích hợp trên lược đồ các mốc phát triển của Vương quốc gắn với các địa danh, vùng địa lí khác nhau).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

HS xác định được trên lược đồ không gian sinh tồn của cư dân Chăm-pa, hiểu được các giai đoạn phát triển của Vương quốc gắn với vai trò của các vùng địa lí khác nhau

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Quá trình hình thành và bước đầu phát triển của Vương quốc Chăm-pa

a. Vương quốc Chăm – pa ra đời

- Năm 192, nhân dân huyện Tượng Lâm đã nổi dậy chống ách thống trị của nhà Hán, giành độc lập, lập ra nước Lâm Ấp (sau này gọi là Chăm-pa).

b. Chặng đường hơn 8 thế kỉ đầu tiên

- Phát triển qua nhiều giai đoạn, gắn liền với việc di chuyển kinh đô, lãnh thổ được mở rộng và thống nhất. Trải dài từ nam Hoành Sơn đến vùng Quảng Ngãi, Bình Định ngày nay.

2. Hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội

a. Mục tiêu: - Trình bày được những nét chính về kinh tế, tổ chức xã của Chăm-pa.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Hoạt động kinh tế

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Em hãy nêu những hoạt động kinh tế chính của cư dân Chăm-pa?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 2: Tổ chức xã hội

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Hãy vẽ sơ đồ mô tả các thành phần xã hội Chăm-pa và nêu nhận xét?

? Em có nhận xét gì về bộ máy nhà nước của người Chăm-pa?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS liên hệ với kiến thức đã học ở Chương 4: Khi Ấn Độ giáo được người Chăm tiếp nhận, lin-ga trở thành biểu tượng quyền lực nhà vua - người được đồng nhất với một vị thần, gọi là Thần - Vua). GV có thể yêu cầu HS mở rộng so sánh tổ chức Nhà nước Chăm-pa với tổ chức Nhà nước Văn Lang để khắc sâu kiến thức.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

HS nhận thức được: : Chăm-pa là nhà nước quân chủ: đứng đầu là vua được đồng nhất với một vị thần, có quyền lực tối cao; dưới vua là các quan đại thần và các quan đứng đầu ba cấp: châu, huyện, làng (tổ chức Nhà nước Văn Lang còn khá đơn giản và sơ khai).

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội

a. Hoạt động kinh tế

- Hoạt động kinh tế của người Chăm-pa rất đa dạng: Trồng lúa, chăn nuôi, các mặt hàng thủ công...
- Chăm-pa là một trung tâm buôn bán quốc tế thời bấy giờ thời bấy giờ.

b. Chặng đường hơn 8 thế kỉ đầu tiên

- Vua được đồng nhất với vị thần, có quyền lực tối cao. Dưới vua là tể tướng và hai quan đại thần.
- Đơn vị hành chính cấp địa phương có: Chân - huyện- làng. Đứng đầu có các chức

quan.

Xã hội gồm 4 tầng lớp: Tầng lữ - Quý tộc - Dân tự do - Bộ phận nhỏ là nô lệ.

3. Một số thành tựu văn hoá tiêu biểu

a. Mục tiêu: Nhận biết được một số thành tựu tiêu biểu của Vương quốc Chăm-pa trong lịch sử.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV chia HS thành 4 nhóm thảo luận

+ Nhóm 1: Về chữ viết

+ Nhóm 2: Về tín ngưỡng tôn giáo

+ Nhóm 3: Về lễ hội

+ Nhóm 4: Về kiến trúc điêu khắc

Hoạt động cá nhân

? Em ấn tượng nhất với thành tựu văn hóa nào của người Chăm-pa? Vì sao?

? Theo em, những thành tựu văn hóa Chăm-pa đã có đóng góp như thế nào cho trang sử nước ta?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

3. Một số thành tựu văn hoá tiêu biểu

Lĩnh vực	Thành tựu
Chữ viết	Dùng chữ Phạn để ghi chép, từ thế kỉ IV người Chăm đã cải biên chữ viết của người Ấn Độ để thành chữ viết của người Chăm Cổ
Tín ngưỡng	Người Chăm Pa theo nhiều tín ngưỡng (thờ thần mặt trời, thần núi, thần nước, thần lúa....)
Tôn giáo	Theo đạo Bà La Môn và đạo Phật.
Kiến trúc, điêu khắc	Có nhiều công trình kiến trúc, điêu khắc đặc sắc, độc đáo như tháp Chăm, đền, tượng, thánh địa Mỹ Sơn...
Lễ hội	tiêu biểu nhất là Ka-tê.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi” Ai là triệu phú

Câu 1: Vương quốc Chăm-pa được hình thành ở địa bàn nào?

- A. Các tỉnh miền Bắc
- B. Các tỉnh miền Nam
- C. Các tỉnh miền Tây
- D. Các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên nước ta

Câu 2: Vương quốc Chăm-pa được hình thành vào khoảng thời gian nào?

- A. Cuối thế kỉ V
- B. Cuối thế kỉ IV
- C. Cuối thế kỉ III
- D. Cuối thế kỉ II

Câu 3: Người Chăm-pa rất giỏi nghề gì?

- A. Trồng trọt
- B. Đi biển
- C. Chăn nuôi
- D. Thủ công nghiệp

Câu 4: Thành phần thấp nhất trong xã hội Chăm-pa là:

- A. Nô Lệ
- B. Vua
- C. Tể tướng
- D. Nông dân tự do

Câu 5: Chăm-pa thời kì này đã buôn bán với các nước nào?

- A. Ấn Độ
- B. Trung Quốc
- C. Các nước Ả Rập
- D. Ấn Độ, Trung Quốc và các nước Ả Rập

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi: Giải cứu những chú chim

Câu 1. Những di sản kiến trúc còn lại của Chăm-pa ngày nay chủ yếu là

- A. Công trình đền tháp
- B. Nhà Sàn
- C. Tượng phật.
- D. Đầu rồng bằng đá.

Câu 2: Những tôn giáo chủ yếu nào đã được du nhập từ bên ngoài vào Vương quốc Chăm-pa?

- A. Hồi giáo
- B. Nho giáo
- C. Đạo giáo.
- D. Phật giáo và Ấn Độ giáo

Câu 3: Văn hóa Chăm-pa chịu ảnh hưởng đậm nét của nền văn hóa nào trên thế giới?

- A. Trung Quốc.
- B. Ấn Độ.
- C. Ai Cập.
- D. Ả Rập.

Câu 4: Người Chăm sáng tạo ra chữ viết của mình trên cơ sở chữ viết nào?

- A. Chữ tượng hình.
- B. Chữ La Mã.
- C. Chữ Phạn.
- D. Chữ hình nêm.

Câu 5: Để phục vụ cho nghi lễ tôn giáo, cư dân Chăm-pa đã sáng tạo ra

- A. Điệu múa Chăm.
- B. Cồng chiêng.
- C. Trống đồng.
- D. Tượng các vị thần

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	A	D	B	C	A

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Lập bảng tóm tắt và kết hợp so sánh hoạt động kinh tế, đời sống xã hội, văn hoá - tín ngưỡng của cư dân Chăm-pa và cư dân Văn Lang - Âu Lạc.

Nội dung	Cư dân Chăm Pa	Cư dân Văn Lang Âu Lạc
Hoạt động kinh tế		
Đời sống xã hội		
Văn hóa tín ngưỡng		

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

Sản phẩm dự kiến

Nội dung	Cư dân Chăm Pa	Cư dân Văn Lang Âu Lạc
Hoạt động kinh tế	Đa dạng, gồm trồng lúa nước, nghề thủ công, đi biển, giao thương biển.	Chủ yếu là nông nghiệp trồng lúa nước.
Đời sống xã hội	Phân hoá khá sâu sắc, gồm ba thành phần: quý tộc, dân tự do và một bộ phận nhỏ nô lệ.	Sự phân hoá chưa thực sự sâu sắc, cũng gồm có quý tộc, nông dân làng xã và một bộ phận rất ít nô tì.

Văn hoá - tín ngưỡng	Tín ngưỡng thờ các thần trong tự nhiên; sùng đạo Phật, Ấn Độ giáo; Nổi bật về kiến trúc là các tháp Chăm	Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và các vị thần trong tự nhiên; Nổi bật về kiến trúc và kỹ thuật luyện kim có thành Cổ Loa, trống đồng Ngọc Lũ.
----------------------	--	--

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Hoàn thành bảng sau

Nội dung	Cư dân Chăm Pa	Cư dân Văn Lang Âu Lạc
Hoạt động kinh tế		
Đời sống xã hội		
Văn hóa tín ngưỡng		

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
 - HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.
- Sản phẩm dự kiến

Nội dung	Cư dân Chăm Pa	Cư dân Văn Lang Âu Lạc
Hoạt động kinh tế	Đa dạng, gồm trồng lúa nước, nghề thủ công, đi biển, giao thương biển.	Chủ yếu là nông nghiệp trồng lúa nước.
Đời sống xã hội	Phân hoá khá sâu sắc, gồm ba thành phần: quý tộc, dân tự do và một bộ phận nhỏ nô lệ.	Sự phân hoá chưa thực sự sâu sắc, cũng gồm có quý tộc, nông dân làng xã và một bộ phận rất ít nô tì.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

-
- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
 - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau

Tiết 50:

BÀI 20. VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Xác định được vị trí của Vương quốc Phù Nam xưa trên lược đồ Việt Nam.
- Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam xưa.
- Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.
- Nhận biết được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Vương quốc Phù Nam.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Biết khai thác và phân tích được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

2. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng tinh thần yêu quê hương, đất nước, quý trọng những giá trị văn hoá của Vương quốc Phù Nam còn để lại trong lịch sử.
- Nhận thức về chủ quyền ở vùng đất Nam Bộ của đất nước Việt Nam hiện nay có nguồn gốc lâu đời, bản địa từ xa xưa.

II-THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.
- Lược đồ Vương quốc Phù Nam trong khu vực Đông Nam Á, Lược đồ khu vực Đông Nam Á ngày nay.
- Máy tính, máy chiếu, giấy AO (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, một số đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Nền văn minh Phù Nam

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS quan sát video nền văn minh Phù Nam và trả lời câu hỏi:

? Đoạn phim sau đang nói đến nền văn minh nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Lịch sử Phù Nam dẫn dắt chúng ta trở về một thời kì xa xưa của vùng đất Nam Bộ, thuở những cư dân đầu tiên bắt đầu tìm đến các gò đất nổi trên vùng trũng sông nước mênh mông để dựng nhà, trồng lúa, trồng khoai. Không chỉ tìm cách thích ứng với điều kiện tự nhiên để tồn tại và phát triển, cư dân Phù Nam còn xây dựng được một vương quốc với những thành thị phát triển rực rỡ nhất khu vực Đông

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Sự hình thành, phát triển và suy vong của vương quốc Phù Nam

a. Mục tiêu: Xác định được vị trí của Vương quốc Phù Nam xưa trên lược đồ Việt Nam.

- Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam xưa.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Dựa vào thông tin lược đồ và tư liệu trong sách giáo khoa. Hoàn thành phiếu học tập sau?



Quan sát lược đồ, em hãy cho biết Vương quốc Phù Nam xưa nằm trên địa bàn các quốc gia nào ngày nay?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Sản phẩm dự kiến



- GV nhấn mạnh mối ra đời của Nhà nước Phù Nam gắn liền với sự phát triển của văn hoá Óc Eo (giống như văn hoá Đông Sơn với Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc, văn hoá Sa Huỳnh với Nhà nước Chăm-pa). Sự ra đời của Phù Nam được phản ánh qua truyền thuyết về Hồn Điên và Liễu Diệp (cũng giống như huyền thoại Con Rồng, cháu Tiên lập nước Văn Lang).

- GV hướng dẫn HS căn cứ vào những mốc thời gian đã được cung cấp trong SGK để thiết lập trục thời gian về các mốc hình thành, phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam. HS thiết lập trục thời gian và xác định các dấu mốc quan trọng gắn với lịch sử hình thành và phát triển của Vương quốc Phù Nam trên đó. HS có thể vẽ bằng nhiều cách khác nhau. GV khuyến khích HS, miễn là đảm bảo được các ý sau: Thế kỉ I: hình thành. Thế kỉ III - V: phát triển hùng mạnh. Đầu thế kỉ VI: suy yếu. Thế kỉ VII: bị người Chân Lạp xâm chiếm.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

1. Sự hình thành, phát triển và suy vong của vương quốc Phù Nam

- Ra đời: khoảng thế kỉ I
- Thế kỉ III – V: phát triển thành đế chế hùng mạnh ở khu vực Đông Nam Á
- Suy yếu ở thế kỉ VI. Đến thế kỉ VII bị Chân Lạp thôn tính.
- Trung tâm chính trị, kinh tế: Thương cảng Óc Eo.

2. Hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội

a. Mục tiêu: Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Hoạt động kinh tế

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Đọc SGK, quan sát hình ảnh, em hãy:

? Kể tên các ngành kinh tế cơ bản của cư dân Phù Nam?

? Tìm các dẫn chứng chứng minh người Phù Nam rất giỏi nghề buôn bán



▲ Hình 2. Một số sản phẩm đồ gốm của cư dân Phù Nam



▲ Hình 3. Khuôn đúc bằng đá



▲ Hình 4. Đồng tiền kim loại của Phù Nam được tìm thấy ở di chỉ văn hoá Óc Eo



▲ Hình 5. Huy chương La Mã được tìm thấy ở di chỉ Nền Chùa (Kiến Giang)

? Em có nhận xét gì về các sản phẩm thủ công của cư dân Phù Nam

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

- GV chú ý hướng dẫn HS khai thác thông tin trong đoạn tư liệu cùng với các hình 2, 3, 4, 5 để giúp HS hình dung rõ nét hoạt động kinh tế của cư dân Phù Nam xưa. Đó vừa là nền kinh tế sản xuất tại chỗ (thông qua hình 2, 3), vừa có hoạt động kinh tế buôn bán trong nước và với nước ngoài (thông qua hình 4, 5 và đoạn tư liệu). Sự “ăn khớp” thông tin trong đoạn tư liệu về *Sử liệu Phù Nam* với hình đồng tiền Phù Nam, huy chương La Mã được tìm thấy ở các di chỉ thuộc văn hoá Óc Eo chứng tỏ điều đó. Đây là đặc điểm khác biệt khá rõ so với kinh tế của Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc ở khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Sản phẩm dự kiến

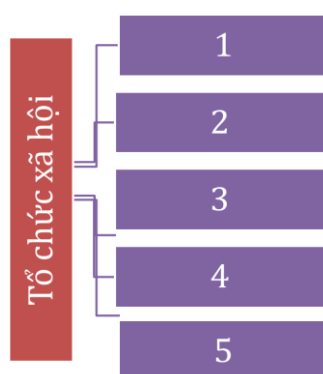
Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 2: Tổ chức xã hội

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Dựa vào thông tin SGK, em hãy hoàn thành sơ đồ tổ chức xã hội Phù Nam.



Thảo luận cặp đôi

? Tổ chức xã hội của nước Phù Nam có những nét tương đồng nào với xã hội Chăm-pa?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Sản phẩm dự kiến



? Tổ chức xã hội của nước Phù Nam có những nét tương đồng nào với xã hội Chăm-pa?

+ Về tổ chức nhà nước: Cũng giống như Vương quốc Chăm-pa cổ, Phù Nam là nhà nước quân chủ chuyên chế: vua đứng đầu vương quốc và có quyền lực cao nhất; dưới vua là hệ thống quan lại trong một hệ thống chính quyền có nhiều cấp bậc.

+ Về các thành phần, tầng lớp xã hội: xã hội Phù Nam phân chia thành 5 bộ: quý tộc, tăng lữ, thương nhân, thợ thủ công và nông dân.

+ Nét tương đồng so với xã hội Chăm-pa đó là sự hình thành của tầng lớp thương nhân.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

2. Hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội

a. Hoạt động kinh tế

- Người Phù Nam làm nhiều nghề khác nhau: Trồng lúa nước, chăn nuôi, đánh bắt thủy hải sản, làm đồ thủ công như đồ gốm, trang sức....

- Người Phù Nam giỏi nghề buôn bán. Buôn bán với nhiều nước như Trung Quốc, Chăm-pa, Ấn Độ...

b. Tổ chức xã hội

- Vua là người đứng đầu và có quyền lực cao nhất.

- Xã hội Phù Nam được chia thành năm thành phần chính: tăng lữ, quý tộc, nông dân, thương nhân, thợ thủ công

3. Một số thành tựu văn hoá

a. Mục tiêu: Nhận biết được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Vương quốc Phù Nam.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Dựa và kiến thức đã được học và thông tin từ đoạn clip và SGK hoàn thành bảng sau

Lĩnh vực	Thành tựu văn hóa tiêu biểu
Tôn giáo	
Điều khắc	
Chữ viết	
Đời sống vật chất	
Đời sống tinh thần	

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

3. Một số thành tựu văn hoá

Lĩnh vực	Thành tựu văn hóa tiêu biểu
Tôn giáo	Tiếp thu Hin-đu giáo và Phật giáo từ Ấn Độ
Điều khắc	Tạc tượng, chạm nổi trên gỗ, đá, đất nung
Chữ viết	Sử dụng chữ Phạn
Đời sống vật chất	Sử dụng ghe, thuyền để đi lại. Ở nhà sàn, làm nhà trên kênh rạch, xây thành thị ở các vùng đất nổi
Đời sống tinh thần	Nghệ thuật làm đồ trang sức rất tinh xảo

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

- a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể
- b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Câu 1. Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng....

- | | |
|-----------------|---------------|
| A. thế kỉ I TCN | C. thế kỉ II |
| B. thế kỉ I | D. thế kỉ III |

Câu 2: Lãnh thổ chủ yếu của Vương quốc Phù Nam thuộc khu vực nào của Việt Nam hiện nay?

- | | |
|-----------------|---------------|
| A. Nam Trung Bộ | C. Tây Nam Bộ |
| B. Nam Bộ | D. Tây Nguyên |

Câu 3: Vương quốc Phù Nam dần suy yếu và bị thôn tính bởi:

- | | |
|-------------|------------|
| A. Ấn Độ | C. Xiêm |
| B. Chân Lạp | D. Chăm-pa |

Câu 4: Cảng thị tiêu biểu cho việc buôn bán của cư dân Phù Nam là:

- | | |
|------------|-------------|
| A. Hội An | C. Óc Eo |
| B. Đà Nẵng | D. Vũng Tàu |

Câu 5: Xã hội Phù Nam không bao gồm lực lượng nào dưới đây?

- | | |
|------------|----------------|
| A. Nô lệ | C. Nông dân |
| B. Quý tộc | D. Thương nhân |

Câu 6. Những tôn giáo nào được du nhập và phát triển ở Phù Nam?

- | | |
|---------------------------|------------------------|
| A. Hồi giáo, Phật giáo | C. Nho giáo, Đạo giáo |
| B. Hin-đu giáo, Phật giáo | D. Nho giáo, Phật giáo |

Câu 7: Phương tiện di chuyển chủ yếu của cư dân Phù Nam là:

- | | |
|-----------|------------|
| A. Đi bộ | C. Xe bò |
| B. Thuyền | D. Xe ngựa |

Câu 8: Cư dân Phù Nam chịu ảnh hưởng tôn giáo chủ yếu từ nước nào?

- | | |
|-------------|---------------|
| A. Ai Cập | C. Ấn Độ |
| B. Thái Lan | D. Trung Quốc |

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	B	B	B	C	A

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Hãy so sánh về hoạt động kinh tế giữa cư dân Phù Nam và cư dân Chăm pa?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau

Tiết 51:

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hệ thống những kiến thức cơ bản của Lịch sử Việt Nam (*từ nguồn gốc đến thế kỷ X*).
- Các giai đoạn phát triển của Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thời kỳ dựng nước Văn Lang - Âu lạc.
- Những thành tựu văn hoá tiêu biểu
- Những cuộc khởi nghĩa lớn thời kỳ Bắc thuộc giành lại độc lập dân tộc.
- Những anh hùng dân tộc, nhân vật lịch sử tiêu biểu trong thời kỳ này.

2. Năng lực:

Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, so sánh, nhận xét, đánh giá, thực hành bộ môn lịch sử, vận dụng liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

3. Phẩm chất:

- Giáo dục lòng tự hào dân tộc, lòng yêu nước chân chính cho học sinh.
- Yêu mến, biết ơn những anh hùng dân tộc, các thế hệ cha ông đã có công xây dựng và bảo vệ đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1 Chuẩn bị của GV:

- Lược đồ Chiến thắng Bạch Đằng năm 938
- Đọc các tài liệu, những mẫu chuyện liên quan đến bài học.
- Những mẫu chuyện lịch sử Việt Nam tập 1
- Tư liệu lịch sử và tranh ảnh.
- Một số bảng phụ, bản đồ, lược đồ.

2. Chuẩn bị của HS:

- Sưu tầm tư liệu lịch sử
- Học bài cũ, làm bài tập, tìm hiểu một số câu hỏi trước sách giáo khoa.
- Tìm hiểu tiểu sử các nhân vật đã học ở những bài trước.
- Ôn lại những kiến thức đã học về Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ X.

III> TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Chúng ta đã học toàn bộ Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ X, đây là thời kỳ xa xưa nhưng rất quan trọng đối với con người Việt Nam. Với những thành tựu về văn hoá, cùng với những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm phương Bắc lớn và đã giành được thắng lợi. Đây là cơ sở đầu tiên cho những bước sau này của dân tộc ta. Với niềm tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông, chúng ta có quyền tự hào nhưng đồng thời chúng ta cũng không quên nhiệm vụ, trách nhiệm của mình đối với đất nước. Hôm nay chúng ta ôn tập, khái quát lại.

HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP

Hoạt động 1: 1. Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ X trải qua những

giai đoạn nào:

Mục tiêu:

Nắm được các giai đoạn của lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỉ X qua những giai đoạn chính nào

Tổ chức thực hiện:

<i>Hoạt động của Thầy và Trò</i>	<i>Nội dung kiến thức</i>
Gv: Từ xa xưa thế kỷ X Lịch sử Việt Nam trải qua những giai đoạn nào ? Hs: Gồm 3 giai đoạn - Giai đoạn nguyên thủy. - Giai đoạn dựng nước và giữ nước. - Giai đoạn đấu tranh chống lại ách thống trị của phong kiến phương Bắc Gv: Thời nguyên thủy có những giai đoạn nào ? Nêu 1 vài di chỉ tiêu biểu? Hs: 3 giai đoạn: + Tối cổ (đồ đá cũ), + Đá mới + Sơ kỳ kim khí - các di chỉ.	<u>1. Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ X trải qua những giai đoạn nào:</u> - Giai đoạn nguyên thủy. - Giai đoạn dựng nước và giữ nước. - Giai đoạn đấu tranh chống lại ách thống trị của phong kiến phương Bắc.

Hoạt động 2: 2. Thời dựng nước đầu tiên diễn ra vào lúc nào? Tên nước là gì ? Vị vua đầu tiên là ai ?

Mục tiêu:

Những nét chính về thời đại Văn Lang- Âu Lạc

Tổ chức thực hiện:

<i>Hoạt động của Thầy và Trò</i>	<i>Nội dung kiến thức</i>
Gv: Cơ sở ra đời nghề nông trồng lúa nước và văn hoá Đông Sơn? Hs: ẽ vùng đồng bằng ven các con sông lớn, sản xuất phát triển, cư dân đông đúc. Gv: Thời dựng nước đầu tiên diễn ra vào lúc nào ? Hs: Thời kỳ dựng nước đầu tiên diễn ra từ thế kỷ VII TCN. Gv: Tên nước là gì? Hs: Nước Văn Lang. Gv: Vị vua đầu tiên là ai? Hs: Hùng Vương Gv: Kinh đô đóng ở đâu? Bộ máy nhà nước? Đơn vị hành chính? Hs: Bạch Hạc (Phủ Thọ) Bộ máy nhà nước còn đơn giản, gồm 3 cấp. Gv: Nước Âu lạc hình thành trong hoàn	<u>2. Thời dựng nước đầu tiên diễn ra vào lúc nào? Tên nước là gì ? Vị vua đầu tiên là ai ?</u> - Nước ta là một nước nông nghiệp trồng lúa nước - Thời kỳ dựng nước đầu tiên diễn ra từ thế kỷ VII TCN. - Tên nước ta là Văn Lang. - Vị vua đầu tiên là Hùng Vương.

cảnh nào ? Hs: + <i>Nhu cầu trị thủy.</i> + <i>Chống ngoại xâm.</i> + <i>Cùng chung một nếp sống.có sự giao lưu</i> Gv: Thời dựng nước đầu tiên để lại cho đời sau những gì? Hs: <i>Đoàn kết chống ngoại xâm...</i>	
---	--

Hoạt động 3: 3.Những cuộc khởi nghĩa lớn trong thời Bắc thuộc:

Mục tiêu:

Khái quát được các cuộc khởi nghĩa lớn trong thời kì chống Bắc thuộc của nhân dân ta

Tổ chức thực hiện:

<i>Hoạt động của Thầy và Trò</i>	<i>Nội dung kiến thức</i>
Gv: Lập bảng thống kê Những cuộc khởi nghĩa lớn trong thời Bắc thuộc ? Hs: <i>Mỗi nhóm lập một cuộc khởi nghĩa.</i>	<u>3.Những cuộc khởi nghĩa lớn trong thời Bắc thuộc:</u> Bảng thống kê vào vở.

Lập bảng sau:

<i>TT</i>	<i>Tên khởi nghĩa</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Lãnh đạo</i>	<i>Diễn biến chính</i>	<i>ý nghĩa</i>

Hoạt động 4:

4.Sự kiện nào khẳng định thắng lợi hoàn toàn của nhân dân ta trong sự nghiệp giành lại độc lập:

5.Kể tên những vị anh hùng:

6.Mô tả một số công trình nghệ thuật nổi tiếng thời Cổ đại.

Mục tiêu:

- *Nhấn mạnh vai trò của Ngô Quyền với chiến thắng quân xâm lược Nam Hán trên sông Bạch Đằng.*
- *Kể tên những anh hùng dân tộc đã đấu tranh cho nền độc lập dân tộc.*
- *Một số thành tựu chính về văn hóa nước ta thời cổ đại*

Tổ chức thực hiện:

<i>Hoạt động của Thầy và Trò</i>	<i>Nội dung kiến thức</i>
Gv: Sự kiện nào khẳng định thắng lợi hoàn toàn của nhân dân ta trong sự nghiệp giành lại độc lập ? Hs: <i>Chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán năm 938.</i>	<u>4.Sự kiện nào khẳng định thắng lợi hoàn toàn của nhân dân ta trong sự nghiệp giành lại độc lập:</u> - Chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán năm

Gv: Chuẩn bị bảng chữ cái tên những vị anh hùng, học sinh tìm, xem ai nhanh mắt hơn ai. Hs: <i>Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Triệu Quang Phục, Phùng Hưng, Mai Thúc Loan, Khúc Thừa Dụ, Dương Đình Nghệ, Ngô Quyền.</i> Gv: Mô tả một số công trình nghệ thuật nổi tiếng thời cổ đại? Hs: <i>Trình bày dựa vào hình ảnh sưu tầm và tư liệu</i> + <i>Trống đồng Đông Sơn.</i> + <i>Thành Cổ Loa.</i>	938. 5. Kể tên những vị anh hùng: - Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Triệu Quang Phục, Phùng Hưng, Mai Thúc Loan, Khúc Thừa Dụ, Dương Đình Nghệ, Ngô Quyền. 6. Mô tả một số công trình nghệ thuật nổi tiếng thời Cổ đại. - Trống đồng Đông Sơn. - Thành Cổ Loa.
--	---

LUYỆN TẬP

a) *Mục tiêu:* Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về

b) *Nội dung:* GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c) *Sản phẩm:* trả lời câu hỏi thể hiện đầy đủ nội dung bài học

d) *Tổ chức thực hiện*

GV tổ chức cho HS

Lập bảng thống kê những sự kiện lớn đáng ghi nhớ của Lịch sử Việt Nam từ khi dựng nước đến năm 938?

TT	Năm	Sự kiện
1	TKVII TCN	Nước Văn Lang thành lập
2	214-218 TCN	Kháng chiến chống quân xâm lược Tần
3	207 TCN	Nước Âu Lạc của An Dương Vương được thành lập
4		...S